

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN



Số 19
2025



Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Chỉ đạo nội dung
ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Ban biên tập
ThS. LÊ THỊ THU HIỀN
ThS. LÊ NAM LỮ
ThS. BÙI THỊ HƯƠNG

Trình bày kỹ thuật
ThS. PHAN THỊ THANH KIỀU
CN. VŨ VĂN VÂN

Lưu hành nội bộ

Địa chỉ
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH NINH THUẬN
168, ĐƯỜNG 21/8, PHƯỚC MỸ
- TP PHAN RANG-THÁP CHÀM
ĐT : (0259) 3831076

Website:
<https://truongchinhtrininhthuan.edu.vn>

Ảnh bìa 1:
Lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành, Viên chức, học viên của Trường Chính trị tỉnh dự Tọa đàm Khoa học cấp tỉnh.

Mục Lục
HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH

❖ ThS. LƯU TÍCH THÁI HÒA - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền địa phương.....	2
❖ ThS. LÊ THỊ THU HIỀN - Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời vào thực tiễn Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.....	5
❖ ThS. BÙI THỊ HƯƠNG - Tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước theo tinh thần Di Chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh.	9
❖ ThS. PHAN THỊ THANH KIỀU - Thực hiện lời căn dặn của Bác Hồ: Cán bộ đảng viên phải thật sự thấm nhuần và thực hành đạo đức cách mạng.....	13

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

❖ ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN - Gắn kết lý luận và thực tiễn trong giảng dạy ở Trường Chính trị Ninh Thuận: yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.....	16
❖ ThS. TRẦN THỊ LỆ THỦY - Vận dụng Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị vào việc xây dựng đội ngũ viên chức Trường Chính trị Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu trường chính trị chuẩn	18
❖ ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG - Phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên nữ góp phần thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.....	22
❖ ThS. TRẦN THỊ THU HƯỜNG - Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với sự phát triển đất nước qua tác phẩm “phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.....	26
❖ CN. NGUYỄN THÀNH LĨNH - Một số quy định về việc làm, sửa đổi Hiến pháp - lý luận và thực tiễn.....	29
❖ CN. VÕ THỊ KIM LOAN - Kế thừa những giá trị của Hiến pháp năm 1946 về mô hình tổ chức chính quyền địa phương trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.....	32
❖ CN. NGUYỄN THỊ LÀNH - Những yếu tố tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay	35
❖ CN. TRỊNH THỊ BÍCH NGÂN - Vận dụng quan điểm của Samuelson về vai trò của nhà nước trong lý thuyết nền kinh tế thị trường hỗn hợp tại Việt Nam hiện nay	39
❖ CN. TRẦN THỊ HUYỀN TRANG - Phát huy vai trò của giảng viên khoa Nhà nước và Pháp luật trong việc tuyên truyền về cuộc cách mạng tinh gọn, sắp xếp bộ máy ở nước ta hiện nay.....	43
❖ ThS. VŨ THỊ LÝ - Tự hào 50 năm Ninh Thuận vươn mình mạnh mẽ.....	46
❖ CN. THÁI LÊ MINH TRANG - Xây dựng Công dân số theo tinh thần Nghị quyết số 57 ngày 22/12/2024 về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” của Bộ Chính trị ở tỉnh Ninh Thuận	49
❖ CN. NGUYỄN THỊ NGÀ - Cơ sở lý luận và thực tiễn việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị ở Ninh Thuận hiện nay	52
❖ ThS. PHẠM HƯNG LONG - Tác động của chuyển đổi số đến động lực làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại tỉnh Ninh Thuận	56
❖ CN. VŨ VĂN VÂN - Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước của xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải.	59
❖ ThS. TRẦN THU HƯỜNG - Thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn hiện nay	63

THÔNG TIN - SỰ KIỆN

❖ ThS. LÊ THỊ THANH PHƯƠNG - Thông tin nội dung tổ chức phong trào thi đua năm 2025 của Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.	67
--	----

Giấy phép xuất bản số: 06/GP-SVHTTDL
do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 22/5/2025
In tại Công ty Cổ phần In Ninh Thuận, số lượng 110 cuốn, khổ 20x29cm
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2025

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

❖ ThS. Lưu Tích Thái Hòa*

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật nói chung, về xây dựng chính quyền địa phương nói riêng là bộ máy nhà nước bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp; được thể hiện xuyên suốt và nhất quán: “Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra”⁽¹⁾. Trong bài viết này, tác giả khái quát một số nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền địa phương.

Từ khóa: Chính quyền địa phương; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương ở Việt Nam phải được tổ chức và hoạt động theo phương thức quản lý xã hội, quản trị quốc gia phù hợp với đặc thù, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Vì vậy, ngay từ khi mới thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã quan tâm tới việc xây dựng chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền ở địa phương. Theo Người, chính quyền địa phương nằm trong hệ thống chính quyền nhà nước được tổ chức chặt chẽ và thống nhất từ Trung ương cho đến cơ sở. Chính quyền địa phương (bao gồm cấp xã, huyện, tỉnh) là những cấp trực tiếp với nhân dân; là nơi thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng và nhấn mạnh tầm quan trọng của chính quyền địa phương, nhất là chính quyền cấp cơ sở (cấp xã). Người coi chính quyền cấp

cơ sở là “cấp gần gũi nhân dân nhất, nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được thì mọi việc đều xong xuôi”⁽²⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ chính quyền địa phương cơ sở là cơ quan nhà nước gần gũi nhất với nhân dân, hiểu rõ nhất về nhân dân, phải thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và chăm lo về mọi mặt, mọi hoạt động của cộng đồng dân cư. Chính quyền địa phương phải chăm lo nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là về trình độ, năng lực làm chủ của nhân dân (quyền làm chủ của nhân dân) trong việc xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đây là những quan điểm vừa thể hiện tính trọng dân, gần dân, thân dân trong truyền thống Việt Nam; vừa thể hiện nguyên tắc bộ máy nhà nước phải gần gũi với dân cư trong tổ chức bộ máy nhà nước của các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ đó.

Trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh đề cập đến vai trò của cán bộ, công chức chính quyền địa phương có thể khái quát trên hai góc độ. Trước hết, Hồ Chí Minh đề cập đến vai trò của cán bộ địa phương nói chung. Điều này được khái quát từ nhiều đề cập của Hồ Chí Minh về hoạt động của chính quyền địa phương. Theo đó, cán bộ, công chức chính quyền địa phương có vai trò thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý nhà nước ở địa phương trên mọi phương diện được quy định bởi luật và cơ quan thẩm quyền cấp trên.

* Trường Khoa Nhà nước - Pháp luật.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 232.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 460.

Cán bộ, công chức chính quyền địa phương thực hành dân chủ, không ngừng củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, đảm bảo tính chất dân chủ nhân dân của chính quyền cách mạng; là những người đi tiên phong trong tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương đến chính quyền và nhân dân địa phương, góp phần quan trọng trong giác ngộ đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn; là lực lượng đứng mũi chịu sào trong xây dựng, tổ chức nhân dân thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Bên cạnh những đề cập chung, Hồ Chí Minh cũng nói đến quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ, công chức chính quyền địa phương ở những chức danh, vị trí làm việc cụ thể.

Quá trình Hồ Chí Minh lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cho thấy, Người không hề xem nhẹ vị thế, vai trò của chính quyền địa phương trong mối quan hệ với chính quyền ở trung ương. Mặc dù nhất quán chính quyền địa phương phải tuân thủ chính quyền trung ương, song không vì thế mà chính quyền địa phương chỉ đơn giản là người thừa hành của chính quyền trung ương.

Chính quyền địa phương là tổ chức bộ máy có vị thế, vai trò riêng, cùng với chính quyền ở trung ương cấu thành tổ chức bộ máy của chính quyền nhà nước cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh nhiều lúc xem chính quyền địa phương là hình ảnh thu nhỏ của chính quyền trung ương đặt tại địa phương. Do vậy, kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cũng chính là góp phần kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền nhà nước.

Chính quyền địa phương có tổ chức

bộ máy phù hợp, hoạt động hiệu quả sẽ đóng góp quan trọng cho việc xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước cách mạng hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hồ Chí Minh không hề nghiêng lệch bên nào (trung ương và địa phương) trong lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước. Người nhìn vào vị thế, vai trò của mỗi bên để thấy được tầm quan trọng riêng và qua đó đưa ra các chủ trương, giải pháp để xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

Không chỉ đối với chính quyền địa phương mà còn ở mọi lĩnh vực khác, tư tưởng và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh đều hướng chúng ta vào bài học: Muốn tổ chức thực tiễn việc cách mạng thuận lợi và hiệu quả phải xuất phát từ nhận thức đúng đắn, đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề ấy. Không thấy được tầm quan trọng của chính quyền địa phương và công tác xây dựng, hoàn thiện chính quyền địa phương sẽ không có nhu cầu, động lực để bồi dưỡng, phát triển nhận thức và tiến hành các hoạt động thực tiễn một cách mạnh mẽ, đúng đắn và hiệu quả. Hồ Chí Minh nhiều lần nói: “Tư tưởng thông suốt thì mọi việc làm đều tốt”⁽³⁾; “Nếu tư tưởng không thông thì công tác kém kết quả”⁽⁴⁾. “Tư tưởng thông suốt” thể hiện trước hết và tập trung ở nhận thức đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chủ thể, của công việc, của các yếu tố.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong thời gian tới

Trong 39 năm đổi mới (1986-2025),

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.590.

(4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.67.

tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương chuyển từ hình thái trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương được kiện toàn theo hướng tinh gọn hơn, quy củ hơn, sát hợp hơn, được phân cấp và phân quyền ngày càng rõ và nhiều hơn.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương. Quá trình thực tiễn và những kết quả đạt được trong kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cho thấy sự quán triệt những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về một chính quyền địa phương có tổ chức bộ máy được phân cấp, phân quyền, được tổ chức sát hợp với điều kiện cụ thể, được thường xuyên đổi mới để kiện toàn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Để tiếp tục xây dựng chính quyền địa phương đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận 127-KL/TW, ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Việc nghiên cứu phải tiến hành khách quan, dân chủ, khoa học, cụ thể, sâu sắc, cầu thị, sát đúng với tình hình thực tiễn; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực, tổ chức trung gian

cồng kềnh; bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Chính phủ cần ban hành văn bản quy định khung số lượng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã và khung số lượng cấp phó của các cơ quan này để làm căn cứ giúp các cấp ủy địa phương lãnh đạo việc sắp xếp, bố trí cho phù hợp.

Rà soát số lượng và chất lượng cán bộ, công chức cấp xã. Xác định rõ các mô hình chính quyền địa phương cấp xã đối với khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, đồng bằng, hải đảo, quy mô dân số, diện tích, lịch sử, văn hóa, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo,... Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, định biên của chính quyền địa phương cấp xã. Làm rõ mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền địa phương (giữa cấp tỉnh và cấp xã); mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp xã, bảo đảm hoạt động thuận lợi, đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả.

Tóm lại, để tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương đảm bảo thực sự khoa học, hợp lý, có chất lượng và hiệu quả, cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, với sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, huy động và phát huy ý kiến, sáng kiến, trí tuệ của Nhân dân. Trong đó, cần phải nghiên cứu và nhận thức đầy đủ các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng bộ máy nhà nước; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. ■

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀO THỰC TIỄN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ ThS. Lê Thị Thu Hiền*

Tóm tắt: Quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời còn nguyên tính thời sự và là cơ sở cho công tác xây dựng xã hội học tập ngày nay. Bài viết phân tích và làm rõ sự vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, qua đó, đề xuất một số giải pháp góp phần tiếp tục vận dụng hiệu quả quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời vào thực tiễn Trường Chính trị nói riêng và tỉnh Ninh Thuận nói chung.

Từ khóa: Quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời; Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn, mỗi công dân Việt Nam cần biết ham học... Biết rồi, ta học thêm. Ngoài ra, còn biết bao điều cần học. Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ”. “Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự đào thải mình”, vì vậy, mỗi người đều “Phải biết tự động học tập”; “phải học nữa, học mãi trong khi đi làm việc”. “Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng”. “Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học Nhân dân, không học Nhân dân là một thiếu sót rất lớn”.

Tháng 9/1949, Bác Hồ đến dự khai giảng lớp Chính trị cao cấp của trường Đảng, Bác đã viết vào sổ vàng của nhà trường:

“Học để làm việc, làm người

Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại

Muốn đạt mục đích thì phải Cần - Kiệm - Liêm - Chính...”⁽¹⁾.

Năm 1956, Người có lời dạy: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời; Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế; Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi; Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến lên, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”⁽²⁾.

Năm 1961, Người lại có lời dặn dò: “Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học... Công việc cứ tiến mãi, không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau. Chúng ta là đảng viên già, hiểu biết của chúng ta hồi 30 tuổi so với sự hiểu biết của lớp trẻ bây giờ... thì chúng mình dốt lắm. Tôi cũng dốt lắm. Nếu thế hệ già không hơn thế hệ trẻ thì không tốt. Thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt”.

Như vậy, học tập suốt đời theo quan điểm của Hồ Chí Minh là mọi công dân Việt Nam đều cần học tập: “Trai, gái, trẻ, già, cán bộ, công nhân đều phải học cả”. Học tập tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống, về chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm và phương pháp làm việc. Người nhắc nhở cần học ở mọi lúc, mọi nơi. Hơn thế nữa, “học tập suốt

* Phó Hiệu trưởng.

(1) Hồ Chí Minh: toàn tập, tập 6, tr.208.

(2) Hồ Chí Minh: toàn tập, tập 10, tr.377.

đời” chính là thể hiện thái độ trách nhiệm của tổ chức đảng, cấp ủy các cấp cũng như của mỗi đảng viên đối với việc học tập. Lúc này, học tập là nhiệm vụ của người cách mạng chứ không phải là quyền lợi và sở thích cá nhân nữa. Có nghĩa là, học để phục vụ sự nghiệp cách mạng nên trở thành nhiệm vụ; đồng thời, sự nghiệp đó là vô cùng lâu dài, gian khổ, nên học tập cũng là trách nhiệm phải thực hiện suốt cuộc đời của người cách mạng với thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao. Và mục tiêu cao nhất của học tập suốt đời là để luôn tiến bộ, để phụng sự Nhân dân, phụng sự Tổ quốc tốt hơn.

Và Bác cũng chỉ ra một số hạn chế, yếu kém trong thực hiện trách nhiệm này, về phía tập thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thế mà cứ kêu là thiếu cán bộ. Vì sao? Vì việc huấn luyện còn hữu danh vô thực, làm chỉ cốt nhiều mà không thiết thực chu đáo”⁽³⁾. Qua đó, có thể thấy, Người nghiêm khắc phê bình việc học tập, huấn luyện không thiết thực. Điều này không chỉ gây ra sự lãng phí cho tập thể về thời gian, mà xa hơn còn gây ra hậu quả xấu cho phong trào cách mạng, do việc đào tạo không chất lượng, nên người cán bộ không được trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết, vì thế, khi thực hiện nhiệm vụ sẽ không đạt yêu cầu đề ra.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tự học, học tập suốt đời trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai BCH Trung ương khóa VIII nêu rõ, cần phát huy mạnh mẽ tinh thần tự học, bảo đảm thời gian tự học, tự nghiên cứu cho mọi người, và đặt ra một yêu cầu: “Phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn

dân nhất là trong thanh niên”⁽⁴⁾. Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 24/8/1999 và Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007⁽⁵⁾, trong đó xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục của nước ta. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đề cao nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”⁽⁶⁾. Ngày 09/11/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1315/QĐ-TTg ban hành kế hoạch triển khai Phòng trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; Quyết định 734/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023 ban hành kế hoạch phát động Phòng trào “Cả tỉnh xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

Thấm nhuần và quán triệt quan điểm của Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, các văn bản của Đảng, Tỉnh ủy, thời gian qua được Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã lãnh, chỉ đạo xây dựng kế hoạch số 35-KH/TC, ngày 22/3/2024 về triển khai và thực hiện

(3) Hồ Chí Minh: toàn tập, tập 6, tr.356.

(4) Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, H.1997, tr.41.

(5) Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb CTQGST, H. 2021, tr.136.

phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030” do Thủ tướng Chính phủ phát động; Kế hoạch số 3048-KH/HVCTQG, ngày 18/3/2024 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện phong trào “Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hưởng ứng thi đua xây dựng xã hội học tập suốt đời” (giai đoạn 2024-2030); bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm về Học tập suốt đời, Trường Chính trị Ninh Thuận luôn xác định việc xây dựng cơ quan học tập, đẩy mạnh “học tập suốt đời” là mục tiêu, nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, có vai trò quan trọng, tác động tích cực đến sự phát triển của Trường, được các khoa, phòng và toàn thể viên chức, người lao động quan tâm đã góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ viên chức, người lao động trong thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 26/7/2022 xây dựng Trường Chính trị chuẩn, phấn đấu đạt chuẩn mức 1 vào năm 2026 gắn với bộ tiêu chí “Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh là tấm gương sáng cho học viên noi theo”.

Để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã làm tốt công tác lãnh, chỉ đạo các khoa, phòng đẩy mạnh công tuyên truyền, phổ biến, vận động, hướng dẫn, phát động phong trào thi đua sâu, rộng đến toàn thể viên chức, người lao động thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tháng, giao ban định kỳ, họp hội đồng giảng viên, đối thoại với học viên, tổ chức các hội thi, hội thảo, tọa đàm... qua đó, góp phần nâng cao nhận thức cho toàn viên chức và học viên về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết học tập suốt đời; thi đua học tập suốt đời; phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo; xây dựng các ý tưởng, sáng kiến, giải pháp khuyến khích và phát triển văn hóa học tập trong toàn Trường. Đồng thời, Trường đã xây dựng các nội quy, quy

chế như nâng lương trước hạn, chính sách hỗ trợ, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho các viên chức được học tập suốt đời, khuyến khích mọi viên chức chủ động, tích cực, tự giác tham gia học tập nghiêm túc, đạt kết quả cao. Đẩy mạnh thi đua nâng cao ứng dụng các phương pháp học tập tích cực, chuyển đổi số; nâng cao năng lực số và năng lực sử dụng ngoại ngữ cho viên chức, thực hiện học tập mọi lúc, mọi nơi bằng mọi phương pháp để phục vụ cho công việc. Xây dựng môi trường “người người học tập, cả Trường học tập”, nghiên cứu, vận dụng linh hoạt, phù hợp hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác tham mưu.

Kết quả từ năm 2022 tới nay (khi Trường thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU xây dựng Trường Chính trị chuẩn), Trường đã cử 07 viên chức tham gia đào tạo sau đại học (trong đó, 01 viên chức Nghiên cứu sinh; 06 viên chức học cao học); 03 viên chức học Trung cấp lý luận chính trị; 03 viên chức đã nhận bằng Thạc sĩ; 06 viên chức học bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; 02 viên chức học bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; 01 viên chức học bồi dưỡng quản lý cấp phòng; Ngoài các chương trình bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm như trên, Trường còn cử đi bồi dưỡng, tập huấn nhiều chương trình khác như: Cập nhật kiến thức về chuyên môn của 3 khoa; công nghệ thông tin; bồi dưỡng về phòng chống tham nhũng, tiêu cực; văn phòng cấp ủy; bồi dưỡng phương pháp viết báo, tin; bồi dưỡng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng,... với hàng chục lượt viên chức tham gia do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị tổ chức. Ngoài ra, viên chức Trường phát huy tinh

thần tự học, tự đào tạo, tham gia học các lớp Văn bằng 2 tiếng Anh, theo đó có 02 viên chức đã tốt nghiệp; 08 viên chức đang theo học; một số viên chức tham gia học các lớp bồi dưỡng phương pháp sư phạm; phương pháp giảng dạy đại học,...

Trong thời gian tới, để tiếp tục hướng ứng và vận dụng có hiệu quả quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng xã hội học tập tại Trường Chính trị Ninh Thuận, đồng thời quán triệt, triển khai thực hiện quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về “Học tập suốt đời”, thiết nghĩ cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; lồng ghép trong sơ kết, tổng kết đánh giá và biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến nỗ lực vươn lên trong học tập; rà soát, bổ sung, kiến nghị, đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích sự tham gia của viên chức trong học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm.

Hai là, trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, xác định được nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể phù hợp trong từng giai đoạn,... Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, phát huy tối đa nội lực của đội ngũ viên chức, nhạy bén, thích ứng, sáng tạo để lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, muốn thực hiện được cần:

+ Đối với giảng viên: tích cực, chủ động tham mưu cho Ban Giám hiệu cử đi tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên biệt, cơ bản, cập nhật, hiện đại, phù hợp thực tiễn như: bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng chức danh, cập nhật kiến thức, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa

học; cập nhật kiến thức chuyên ngành, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ,...

+ Đối với chuyên viên: cử đi tham gia chương trình bồi dưỡng về quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học, tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học,...

Ba là, thường xuyên thực hiện tốt, có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, viên chức và học viên trong Trường để thống nhất quan điểm, củng cố nhận thức, vững vàng niềm tin, sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả trong vận dụng quan điểm “học tập suốt đời” vào công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gắn với rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Tiếp tục rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách nhằm thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, gắn với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Khuyến khích, nhân rộng, lan tỏa những gương viên chức, giảng viên cần cù, kiên trì, say mê học tập, đổi mới sáng tạo.

Bốn là, mỗi giảng viên, viên chức cần ý thức được trách nhiệm của bản thân mình đối với việc tự học tập suốt đời; có thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao; tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập. Phát huy vai trò gương mẫu của mình học về tư cách người cán bộ cách mạng, học ở sách vở, học lẫn nhau; không ngừng tự học tập, tự cập nhật kiến thức mới, tham gia tích cực phong trào “học tập suốt đời”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học công nghệ, kiến thức số,... góp phần đổi mới sáng tạo, đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ được giao. ■

TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THEO TINH THẦN DI CHỨC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

❖ ThS. Bùi Thị Hương*

Tóm tắt: Thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước theo tinh thần Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo bộ máy Nhà nước hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong xã hội. Để tinh gọn tổ chức bộ máy cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn kết của toàn dân; đảm bảo các vấn đề an sinh xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát.

Từ khóa: Di chúc; Hồ Chí Minh; Tinh gọn.

Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong thời gian hơn 4 năm từ năm 1965 đến năm 1969, tác phẩm bàn nhiều về tương lai, không phải tương lai xa, mà là “ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi” và kế hoạch xây dựng lại đất nước sau chiến tranh “là công việc rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là cuộc chiến đấu khổng lồ chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁽¹⁾. Cái cũ kỹ, hư hỏng trong cuộc chiến đấu khổng lồ không phải là vật chất, nhà cửa, thành phố, làng mạc, mà là tổ chức, con người, tư tưởng. Với tinh thần trách nhiệm cao trước Tổ quốc, dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta một văn kiện lịch sử vô giá, một tài liệu đặc biệt ý nghĩa, mang hơi thở đổi mới sau khi cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta giành thắng lợi. Nội dung tác phẩm trở thành ngọn đuốc dẫn đường cho mỗi cán bộ, đảng viên nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đặc biệt trong quá trình thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” cần thực hiện theo tinh thần của Di chúc Hồ Chí Minh.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên phác thảo, khởi xướng và đặt nền móng cho việc đổi mới và tinh giản bộ máy nhà nước, hướng đến mục tiêu hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả, một nhà nước bảo đảm về yếu tố tinh, gọn, mạnh, lấy chất lượng và tinh thần phục vụ Nhân dân lên trên hết, trước hết, lấy đoàn kết là sức mạnh của Đảng, Nhà nước. Chính vì vậy, trong Di chúc viết tháng 5/1965 Người nhấn mạnh: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” và phần viết thêm tháng 5/1968 cho thấy tầm nhìn xa trông rộng đối với tư duy đổi mới trong quá trình xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh. Người tin chắc vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và có kế hoạch sẵn sàng, chu đáo tránh bị động, thiếu sót, sai lầm để xây dựng lại nước nhà sau chiến tranh. Điều mong muốn cuối cùng trong Di chúc của Người đó là “toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân

* Phó Trưởng Phòng QLĐT & NCKH.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H.2011, t12, tr.505.

chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Nói đến Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới đoàn kết với ý nghĩa là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và Nhân dân ta. Tinh thần đoàn kết trong Di chúc mang hơi thở của sự đổi mới, đoàn kết từ các đồng chí Trung ương đến các chi bộ và phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Để thực hiện được điều đó thì Đảng cần phải thực hành dân chủ rộng rãi và thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau. Bên cạnh đó, Di chúc nói đến sự kế tiếp các thế hệ và phải dựa vào thế hệ trẻ, đồng thời bàn đến tư duy của ngày hôm nay: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Để xây dựng lại đất nước, Hồ Chí Minh quan tâm đầu tiên là việc đối với con người, nhưng không chỉ dừng lại ở cơm ăn, áo mặc mà quan trọng hơn là lo công ăn việc làm thích hợp, mở lớp dạy nghề, đào tạo, bồi dưỡng, cử đi học các ngành các nghề,... để tạo ra lực lượng chủ lực cho sự nghiệp xây dựng nước nhà. Người nhấn mạnh: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁽²⁾. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng thể hiện tinh thần đổi mới là dựa vào dân, đặc biệt hiện nay Đảng, Nhà nước ta đang thực hiện việc tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, cần phải dựa vào sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQGST, H.2011, t.12, tr.505.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đối với bộ máy Nhà nước phải là bộ máy ít bộ - ngành, ít tầng nấc trung gian, ít cán bộ nhưng vẫn thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu luôn hết sức gọn nhẹ. Trả lời câu hỏi của các phóng viên, vì sao công việc bận bịu mà Chính phủ liên hiệp chỉ có 10 bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Vì nước mình nhỏ nên không cần nhiều bộ”⁽³⁾. Song song với việc thiết lập bộ máy hành chính trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ đạo xây dựng UBND các cấp theo phương châm gọn nhẹ về tổ chức, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ. Người nói rõ: “Ủy ban nhân dân (làng, huyện, tỉnh, thành phố) là hình thức chính phủ trong các địa phương... ủy ban có từ 5 đến 7 người”⁽⁴⁾. Chính vì vậy, Người chỉ rõ: “Về biên chế - từ các bộ, các ngành và các địa phương, bộ máy đều quá công kênh và càng ngày càng phình ra. Vì vậy mà sinh ra quan liêu, lãng phí”⁽⁵⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Tổ chức phải gọn gàng. Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ”⁽⁶⁾. Quan điểm của Người về bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả là không có ai thừa ra trong bộ máy đó và ít người mà làm được nhiều việc.

Trải qua gần 40 năm tiến hành công

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQGST, H.2011, t.4, tr.146.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQGST, H.2011, t.4, tr.12.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQGST, H.2011, t.13, tr.314.

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQGST, H.2011, t.5, tr.122.

cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo thế và lực để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bên cạnh đó, việc thực hiện Nghị quyết số 18 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, qua 07 năm tiến hành đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, kém hiệu quả, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng... điều này đặt ra yêu cầu cấp bách thực hiện quyết liệt “cuộc cách mạng” nhằm xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chăm lo đời sống Nhân dân. Chính vì vậy, thực hiện tinh gọn tổ chức, bộ máy theo tinh thần Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới là một vấn đề vô cùng quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

Hiện nay, cuộc cách mạng về cải cách tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của đất nước theo Nghị quyết 18-NQ/TW đã và đang nhận được sự quan tâm to lớn của Nhân dân và dư luận quốc tế. Sự đồng thuận, kỳ vọng của Nhân dân chính là cơ sở, nền tảng tinh thần vững chắc để Đảng, Nhà nước ta quyết tâm, quyết liệt thực hiện bằng được mục tiêu, yêu cầu đã đề ra. Trong bài viết với tựa đề “Tinh-gọn-

mạnh-hiệu năng-hiệu lực-hiệu quả”, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “... Để đạt được các mục tiêu chiến lược, không chỉ đòi hỏi những nỗ lực phi thường, những cố gắng vượt bậc, mà còn không cho phép chúng ta chậm trễ, lơ lửng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng trên từng bước đi; muốn vậy cần khẩn trương thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...”.

Sự khẳng định tính tất yếu và quyết tâm phải làm nhanh, làm đồng bộ, chính xác, hiệu quả các bước đi, lộ trình tinh gọn bộ máy của người lãnh đạo cao nhất Đảng ta cũng chính là quyết tâm chính trị to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Điều này khẳng định, Đảng, Nhà nước ta đã xác định đúng và trúng vấn đề. Tinh gọn bộ máy không chỉ là đòi hỏi tất yếu từ thực tiễn của đất nước mà còn là yêu cầu khách quan của xu thế thời đại. Việt Nam sẽ gặp nhiều rào cản, khó khăn, chậm trễ,... trong hội nhập quốc tế nếu không quyết liệt tinh gọn bộ máy vốn đã và đang quá cồng kềnh hiện nay. Thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy, chắc chắn sẽ có một bộ phận lớn cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước,... dôi dư, mất việc làm, ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống gia đình. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta rất nhân văn, giải quyết có lý, có tình nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn tâm lý xã hội và cuộc sống của những người bị ảnh hưởng.

Chính vì vậy, để thực hiện tốt việc tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và đảm bảo an sinh xã hội theo tinh thần Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tuyên truyền nâng cao nhận

thức của của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn dân về sự cần thiết phải thực hiện tinh gọn tổ chức, bộ máy. Tinh thần đoàn kết, sự thống nhất trong nhận thức và hành động, trước hết, trên hết từ trong Đảng là nhân tố nòng cốt, trung tâm để tạo sự thống nhất trong cả hệ thống chính trị và toàn dân. Bên cạnh đó, để có sự thống nhất, đoàn kết thực chất, bền vững, bên cạnh việc tin tưởng, ủng hộ, đồng hành với chủ trương lớn của Đảng, đòi hỏi cán bộ, đảng viên và công dân yêu nước phải có chính kiến, thái độ rõ ràng trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các đối tượng cực đoan, phản động, thế lực thù địch.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự đồng tình ủng hộ, đóng góp ý kiến của cán bộ, đảng viên, Nhân dân để thực hiện cách mạng tinh gọn bộ máy đảm bảo khách quan, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Cần phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng trong xác định mục tiêu, kế hoạch, lộ trình cụ thể của việc tinh gọn bộ máy. Phát huy tinh thần dân chủ, tôn trọng quy luật khách quan, truyền thống đoàn kết, đồng lòng, chung sức trong thực hiện nhiệm vụ tinh gọn bộ máy.

Ba là, việc triển khai sắp xếp, tinh gọn bộ máy được làm trước hết từ Trung ương đến địa phương thể hiện rõ tính nêu gương, tiên phong gương mẫu từ trên xuống, với phương châm “vừa chạy vừa xếp hàng”. Đồng thời, phát huy tinh thần nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những người đứng đầu, đội ngũ này phải có quyết tâm cao, nghị lực lớn, có tinh thần ý chí cách mạng, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung trong tinh giản bộ máy nhà nước.

Bốn là, cùng với sự hỗ trợ về chính sách chế độ, Nhà nước cần có kế hoạch nhằm chuyển đổi việc làm cho cán bộ công chức, viên chức sau tinh giảm và hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo bổ sung để nâng cao năng lực, kỹ năng để họ đáp ứng được yêu cầu của khu vực tư. Đây cũng là vấn đề Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trăn trở đối với Đảng, Nhà nước cần có kế hoạch cụ thể để xây dựng đất nước sau chiến tranh, phải đảm bảo an sinh xã hội và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, toàn dân.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện tinh gọn tổ chức, bộ máy nhằm đảm bảo tính minh bạch, công khai, khách quan.

Những quan điểm sáng tạo qua tác phẩm Di chúc thể hiện tinh thần đổi mới, tầm cao trí tuệ và khí phách anh hùng cách mạng của Hồ Chí Minh, mang hơi thở của thời đại. Sự tiếp nối mạch nguồn đổi mới sáng tạo từ Di chúc đến đổi mới tư duy của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới và trong cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW hiện nay nhằm tạo sự đoàn kết, đồng thuận cao trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong toàn dân, phục vụ lợi ích đất nước, Nhân dân. Đồng thời hướng đến đạt được mục tiêu Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁽⁷⁾. Trên cơ sở thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước theo tinh thần đổi mới của Di chúc Hồ Chí Minh nhằm đưa đất nước ta từng bước phát triển hùng cường, thịnh vượng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. ■

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd, t.I, tr.36.

THỰC HIỆN LỜI CĂN DẶN CỦA BÁC HỒ: CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN PHẢI THẬT SỰ THẨM NHUẬN VÀ THỰC HÀNH ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

❖ ThS. Phan Thị Thanh Kiều*

Tóm tắt: Bài viết nêu và làm rõ những lời căn dặn của Bác Hồ về việc cán bộ đảng viên phải thật sự thẩm nhuần và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, mỗi viên chức Trường Chính trị cần nghiên cứu kỹ, quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc những nội dung đạo đức Hồ Chí Minh để tuyên truyền, giảng dạy, vận dụng cho bản thân cũng như các thế hệ học viên do nhà trường đào tạo.

Từ khóa: Cán bộ đảng viên; Lời căn dặn của Bác Hồ; Thẩm nhuần; Thực hành đạo đức cách mạng.

Cách đây 98 năm, Bác Hồ đã mở đầu cuốn sách “Đường cách mệnh” 1927 với mục “Tư cách người cách mệnh” đề yêu cầu, nhắc nhở và động viên cán bộ, đảng viên rèn luyện đạo đức cách mạng và Người luôn luôn theo dõi từng bước đi lên, từng bước trưởng thành của đội ngũ cán bộ đảng viên.

Năm 1947, trong cuốn “sửa đổi lối làm việc” Bác Hồ nhấn mạnh vai trò quan trọng của đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên. Người nêu rõ: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình thấy không có

đạo đức, không có căn bản, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong bối cảnh một nửa nước hòa bình, miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng CNXH. Bác Hồ đã sớm nhận thấy nguy cơ của bệnh quan liêu, xa rời quần chúng và ngay từ năm 1958, Người đã chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối”. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải tin quần chúng, phải hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. “Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên, cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, tổ chức tuyên truyền và vận động quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng...”.

Bác Hồ cho rằng: “Đảng viên là người thay mặt Đảng, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động”. Do đó “Đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến chỗ sai lầm”, “Nhưng hiện nay chủ nghĩa cá nhân đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung qui là họ không làm nên trò trống gì”.

* CV. Phòng QLĐT & NCKH.

Bác Hồ đặc biệt quan tâm đến việc đảng viên phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt vì *“Cách mạng tiến lên mãi, đảng viên tiến lên mãi, cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi”*.

Bác nói: *“Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác-Lênin”*.

Mục đích học tập, theo Bác là: *“Học những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm”*.

Về phương châm, phương pháp học tập, Bác nhắc nhở: *“Lý luận đi đôi với thực tiễn”*, Bác phê phán những đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng *“Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ không học tinh thần Mác-Lênin, họ học để trang sức chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng”*.

Điều quan trọng nhất là cán bộ, đảng viên phải coi trọng việc rèn luyện trong thực tiễn cuộc sống. Bởi vì như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì phương pháp tốt nhất để rèn luyện, để tiến bộ là *“Khéo dùng cái vũ khí sắc bén phê bình và tự phê bình”*. Người nhận xét có những đảng viên kiêu ngạo, công thần, *“Tự cao, tự đại”*, *“Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ, không tự phê bình hoặc phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ phê bình*

thì mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng, họ xem khinh những người cán bộ ngoài đảng”. Những lời nhắc nhở đó của Bác mãi mãi là kim chỉ nam cho một Đảng lãnh đạo (một đảng cầm quyền), vừa đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động: *“Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình, không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ, lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi...”*.

Vấn đề có tính nguyên tắc và là điểm xuất phát mà Bác Hồ lấy làm chuẩn mực cho đạo đức người cán bộ, đảng viên là quan điểm: *“Nước lấy dân làm gốc”*, *“Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”*. Từ điểm xuất phát đó, Bác Hồ thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên: *“Phải nêu cao tinh thần phụ trách trước đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt “Quan cách mạng” ra lệnh, ra oai... phải khiêm tốn gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo, phải thật sự cầu thị, không được chủ quan. Phải thật thà ngay thẳng, không được giấu dốt, giấu khuyết điểm sai lầm, phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng”*, phải *“Chí công vô tư”* và có tinh thần *“Lo trước thiên hạ, hưởng sau thiên hạ”*.

- Đối với đảng viên là cán bộ lãnh đạo, Bác nêu rõ một số điều cần phải thực hiện đó là: *“Phải hết lòng tôn trọng tập thể, phát huy dân chủ nội bộ, tuyệt đối không được độc đoán cá nhân, tự đặt mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình*

đứng ngoài kỷ luật...” Đối với Đảng, đối với Dân, chúng ta có một nghĩa vụ vẻ vang là: *“Suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân”*.

- Đối với đảng viên lão thành, có nhiều đóng góp cho cách mạng, Bác cũng có những lời nhắc nhở ân cần: *“Càng có công lao, càng phải khiêm tốn. Chớ vì có công lao mà sinh bệnh công thần, kèn cựa địa vị. Phải nhớ rằng: Mọi thành công là do sức phấn đấu hy sinh của toàn đảng và toàn dân, không phải của cá nhân anh hùng nào”*.

- Bác chân thành phân tích tệ đặc quyền, đặc lợi: *“Con cháu mình là ai? Con cháu mình là tất cả, là thanh niên Việt Nam. Chứ không phải như thời phong kiến”* Cha làm quan, con là *“cậu ấm”*. *“Con mình xấu thì đề bạt sao được. Đảng là Đảng của giai cấp, của Nhân dân, của thế giới, chứ không riêng cho con cháu mình,... bất kỳ ai có khả năng, đủ tiêu chuẩn, cần cho nhu cầu cách mạng là phải dùng. Vì Đảng là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là đảng của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết, Đảng lo việc cho cả nước...”*.

- Về việc sắp xếp cán bộ, Bác nêu rõ: Trong lãnh đạo cần có già, có trẻ. Công việc ngày càng mới, càng về sau càng có nhiều cái mới, càng ít cái cũ. Con người ta để ra, ai cũng lớn lên, già đi rồi chết, chết rồi bảo người ta bầu làm sao được. Có người, nay còn lãnh đạo đó nhưng sau này tiến lên máy móc, nếu không biết kỹ thuật, có lãnh đạo được không? nếu không biết, phải mời anh ra cho người khác giỏi hơn vào làm,... chứ không phải như ngày xưa mà tưởng rằng *“Sống lâu*

lên lão làng”, đó là những điều Bác tâm tình với các đồng chí già ở quê hương vào năm 1961 khi Bác về thăm Nghệ An 51 năm về trước càng suy ngẫm, chúng ta càng thấm thía.

Bác nêu chuẩn mực đạo đức: *“Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”* thì chính cả cuộc đời Bác là một tấm gương sáng cho toàn Đảng, toàn Dân ta noi theo.

Thực hiện những lời căn dặn trên của Bác Hồ đối với Trường Chính trị Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 48-QĐ/TCT ngày 26/4/2023 về Bộ Tiêu chí thực hiện mô hình *“Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận là tấm gương sáng cho học viên noi theo”* và thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024, của Bộ Chính trị. Điều quan trọng hơn, là mỗi cán bộ, đảng viên cần nghiên cứu kỹ, quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc những nội dung đạo đức Hồ Chí Minh để tuyên truyền, giảng dạy, giáo dục thật tốt ở tất cả các lớp. Chấp hành nghiêm túc nghị quyết, Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, luôn gương mẫu giữ gìn phẩm chất đạo đức người đảng viên cộng sản, đội ngũ viên chức Trường Chính trị. Mỗi cán bộ, đảng viên dù ở đâu, ở cương vị nào cũng phải làm đúng chức trách, phận sự của mình, để tự soi vào đó mà tu dưỡng, rèn luyện, điều chỉnh những suy nghĩ, hành vi, việc làm của mình ngày càng hoàn thiện hơn để góp phần cùng với toàn đảng, toàn dân gìn giữ cho tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng mãi và sống mãi với các thế hệ người Việt Nam, sống mãi với non sông đất nước ta trong mọi thời kỳ, trong mọi hoàn cảnh. ■

GẮN KẾT LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN: YÊU CẦU TẤT YẾU TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

❖ ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền*

Tóm tắt: Trong đào tạo lý luận chính trị, mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn không chỉ mang tính phương pháp luận, mà còn là thước đo chất lượng giảng dạy và hiệu quả của quá trình hình thành tư duy chính trị - hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức. Bài viết phân tích yêu cầu tất yếu phải gắn kết lý luận với thực tiễn trong giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong bối cảnh mới và đề xuất một số hướng tiếp cận nhằm nâng cao tính thực tiễn, hiện đại và ứng dụng của chương trình đào tạo lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh.

Từ khóa: Chuyển đổi số; Giảng dạy; Hội nhập; Lý luận chính trị; Thực tiễn; Trường Chính trị.

Trong giáo dục lý luận chính trị hiện nay, yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn đã trở thành một nguyên tắc xuyên suốt. Đó không chỉ là yêu cầu mang tính học thuật hay phương pháp sư phạm, mà còn là đòi hỏi xuất phát từ chính thực tiễn đổi mới của đất nước, từ nhu cầu nâng cao chất lượng cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt ở cấp cơ sở - nơi trực tiếp tổ chức thực thi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nếu lý luận chỉ dừng lại ở các nguyên lý hàn lâm, không được vận dụng linh hoạt vào đời sống chính trị - xã hội cụ thể, thì người học khó có thể chuyển hóa thành năng lực tư duy và hành động. Ngược lại, nếu thực tiễn không được nâng tầm bởi lý luận, thì hành động dễ rơi vào lối mòn, thiếu định hướng

chiến lược và không có khả năng tổng kết, phát triển.

Trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng và thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số, giảng dạy lý luận chính trị cũng phải thay đổi cả về nội dung lẫn phương pháp. Không thể tiếp tục dạy theo lối “học thuộc”, “truyền thụ một chiều” hoặc “khuôn mẫu khái niệm”, mà cần phải xây dựng các chương trình đào tạo giàu tính ứng dụng, có khả năng trang bị cho người học không chỉ kiến thức hệ thống mà còn kỹ năng phản biện, tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề thực tiễn. Đặc biệt tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận - nơi đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho địa phương có đặc thù về địa lý, dân cư, khí hậu và điều kiện phát triển - thì việc gắn lý luận với thực tiễn càng trở nên cấp bách. Cán bộ địa phương cần được đào tạo lý luận theo hướng “áp dụng được”, “gắn với công việc thực tế”, chứ không chỉ để đáp ứng chuẩn đầu vào hay phục vụ thăng tiến ngạch bậc.

Thực tiễn giảng dạy ở Trường Chính trị Ninh Thuận thời gian qua đã cho thấy nhiều nỗ lực trong việc cụ thể hóa yêu cầu này. Trước hết là việc đổi mới nội dung giảng dạy - không chỉ bám sát chương trình chuẩn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, mà còn bổ sung nhiều ví dụ thực tiễn từ địa phương: các mô hình nông thôn mới kiểu mẫu, chuyển đổi số trong hành chính công, cải cách thủ tục hành chính, chính sách kinh tế, phát triển ngành, nghề, dân tộc, tôn giáo, xóa đói giảm nghèo, mô

* Phó Hiệu trưởng phụ trách điều hành.

hình tổ chức chi bộ điển hình, hoặc các tình huống cụ thể trong điều hành công vụ cấp cơ sở. Đây chính là cách đưa lý luận đến gần với người học - nhất là học viên là cán bộ đang công tác - bằng chính kinh nghiệm, môi trường và vấn đề họ đang đối diện hàng ngày.

Song song đó, phương pháp giảng dạy cũng được đổi mới đáng kể. Các giờ học không còn thuần túy là bài giảng trên lớp, mà ngày càng nhiều tiết thảo luận nhóm, trình bày tiểu luận, giải quyết tình huống giả định, phản biện chính sách, hoặc tổ chức đối thoại trực tiếp với lãnh đạo địa phương. Việc sử dụng phương pháp “học theo tình huống” và “học qua dự án” bước đầu đã giúp học viên phát huy năng lực phân tích, tổng hợp, liên hệ và vận dụng lý luận một cách linh hoạt. Điều này cũng đòi hỏi người giảng viên không chỉ nắm chắc kiến thức lý thuyết, mà còn phải có vốn sống thực tiễn phong phú, biết cập nhật các vấn đề mới, nhạy cảm chính trị và có khả năng gợi mở tư duy cho người học.

Đặc biệt, trong giai đoạn gần đây, chuyển đổi số đã trở thành chất xúc tác mới cho việc đổi mới giảng dạy lý luận chính trị. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trình chiếu, học liệu điện tử, học tập kết hợp (blended learning), khảo thí đa hình thức,... đã bước đầu thay đổi môi trường sư phạm trong các lớp trung cấp lý luận chính trị. Giảng viên có thể lồng ghép clip thời sự, tài liệu số, trích dẫn mạng xã hội hoặc biểu đồ dữ liệu thời gian thực để minh họa cho bài giảng; học viên có thể tra cứu chính sách, làm bài tập, tương tác và thảo luận ngay trên nền tảng trực tuyến. Việc số hóa tài liệu giảng dạy và cập nhật các phương pháp nghiên cứu chuyên sâu lý thuyết cho trường hợp cụ thể, tình huống cụ thể (case study) thực tiễn ở địa phương giúp học viên hình dung

rõ hơn nội dung đang học và đưa ra cách thức giải quyết phù hợp, đồng thời tạo ra tiết học sống động, gần gũi và giàu tính thực hành. Đây cũng là cách rút ngắn khoảng cách giữa người học, tăng thêm sự hứng thú với nội dung lý luận chính trị vốn đôi khi bị xem là khô khan, hàn lâm.

Tuy nhiên, để việc gắn kết lý luận và thực tiễn trong giảng dạy không dừng lại ở mô hình thử nghiệm, mà trở thành phương pháp thường xuyên và có hệ thống, cần giải quyết một số vấn đề đặt ra. Trước hết là năng lực giảng viên. Không phải giảng viên nào cũng có điều kiện tiếp cận thực tiễn phong phú. Vì vậy, giảng viên phải tăng cường tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn cập nhật các vấn đề thường xảy ra, cũng như các vấn đề được quan tâm tại địa phương. Chính người giảng viên cũng phải được trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, năng lực tổng kết,... từ đó chuyển tải đến học viên. Vì vậy, không dừng lại ở hoạt động khảo sát thực tế, mà còn xây dựng cơ chế tham gia hoạt động ở cơ sở, luân chuyển đồng thời nâng cao năng lực công nghệ số cho giảng viên là điều rất cần thiết. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác giữa Trường Chính trị với các sở, ban, ngành trong tỉnh để cập nhật thông tin, chính sách, mô hình mới và tổ chức lớp học gắn với thực địa.

Vấn đề thứ hai là thiết kế chương trình đào tạo. Cần có sự linh hoạt hơn trong cấu trúc bài giảng, cho phép tích hợp kiến thức liên ngành, bổ sung chuyên đề thực tiễn và tổ chức các hoạt động ngoại khóa như diễn đàn học viên, tọa đàm chuyên đề, học kỳ thực tế,... Trường Chính trị cũng nên có cơ chế đặt hàng giảng viên và học viên cùng nghiên cứu, tổng kết mô hình địa phương để đưa vào giảng dạy hoặc tư liệu minh chứng. Việc “lý luận hóa thực tiễn địa phương” và

(Xem tiếp trang 25)

VẬN DỤNG QUY ĐỊNH SỐ 144-QĐ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀO VIỆC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

❖ ThS. Trần Thị Lệ Thủy*

Tóm tắt: Quán triệt, thực hiện Quy định số 144-QĐ/ TW của Bộ Chính trị có ý nghĩa đặc quan trọng trong nhận thức và hành động của mỗi viên chức Trường Chính trị Ninh Thuận, góp phần xây dựng đội ngũ viên chức Trường đáp ứng yêu cầu của Trường Chính trị chuẩn.

Từ khóa: Quy định 144-QĐ/TW; Trường Chính trị Ninh Thuận; Viên chức.

Trong tác phẩm “Đạo đức cách mạng”, đăng trên Tạp chí Học tập, số 12 năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁽¹⁾. Chính vì vậy, Người đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức, Người cho rằng: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽²⁾.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Người, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm, chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức, coi đây là

nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, là yêu cầu quan trọng, cấp thiết trong công tác xây dựng chính đôn Đảng, để Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, là đạo đức, là văn minh, đủ năng lực, uy tín lãnh đạo nhân dân, xứng đáng với trọng trách được nhân dân giao phó. Nhằm đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa. Ngày 09/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định 144-QĐ/ TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, trong giai đoạn mới. Đây lần đầu tiên Đảng ta ban hành một quy định riêng về chuẩn mực đạo đức cách mạng. Theo đó, Quy định số 144-QĐ/TW đã nêu rõ ràng, cụ thể các chuẩn mực cũng như tiêu chí của chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên với 5 điều, 19 tiêu chí để đánh giá việc thực hiện các chuẩn mực này, gắn với mỗi quan hệ và các nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các mối quan hệ đó. Cụ thể:

Điều 1. Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ Quốc

Điều 2. Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập

Điều 3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Điều 4. Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm

* GV. Khoa Lý luận cơ sở.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.9, tr.293.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611 - 612.

Điều 5. Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời

Quy định 144-QĐ/TW về “Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới” được ban hành là rất cần thiết, nhưng đó mới chỉ là tiền đề ban đầu. Quan trọng nhất là phải đưa quy định thấm sâu vào thực tiễn công việc và cuộc sống. Vì vậy, yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần sâu sắc và thực hành các chuẩn mực đạo đức một cách tự giác, thường xuyên như “com ăn, nước uống hàng ngày”, thực hiện triệt để việc “tự soi, tự sửa” đang tiếp tục được đặt ra như yêu cầu cấp thiết.

Trong những năm vừa qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Ninh Thuận đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các chuẩn mực đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. 100% đảng viên và quần chúng xây dựng kế hoạch cá nhân và đăng ký bản cam kết thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chuyên đề của các năm. Đảng ủy lãnh đạo 100% đảng viên tham gia học tập, quán triệt đầy đủ các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối và Đảng ủy Trường. Đảng ủy đã quán triệt, phổ biến nội dung các Nghị quyết số 35-NQ/TW, Kế hoạch số 28A-KH/ĐU ngày 12/9/2019 của Đảng ủy Trường về thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết chuyên đề số 06-NQ/ĐU, ngày 31/8/2020 của Đảng bộ Trường về thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị, Quyết định số 48 ngày 26/4/2023 về

ban hành bộ tiêu chí thực hiện mô hình “Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh là tấm gương sáng cho học viên noi theo”; Kế hoạch số 07-KH/ĐU, ngày 22/01/2021 về xây dựng, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến giai đoạn năm 2021-2025; Kế hoạch số 15-KH/ĐU, ngày 01/9/2021 của Đảng ủy Trường về học tập quán triệt, thực hiện Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị và Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Nhờ vậy, đã tạo được sự thống nhất trong nhận thức, tư duy, và hành động trong xây dựng, rèn luyện tư tưởng, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tác phong và lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng hình ảnh người cán bộ, đảng viên trường Đảng.

Trường Chính trị tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy Trường Chính trị tỉnh của Tỉnh ủy hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy Trường gồm Ban Giám hiệu, 02 Phòng là Phòng quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị và 03 khoa là Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể, Khoa Nhà nước và pháp luật. Biên chế có mặt của Trường là 30 người. Đội ngũ viên chức là giảng viên và giảng viên kiêm chức có 19 người, chiếm tỷ lệ 63,3%; số viên chức đang giữ ngạch chuyên viên, cán sự có tổng số 11 người, chiếm tỷ lệ 36,7%. Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận hiện có 05 chi bộ trực thuộc, trong đó có 03 chi bộ khoa, phòng và 02 chi bộ học viên các lớp Trung cấp LLCT hệ tập trung.

Nhận thức được tầm quan trọng về đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên, trong nhiều năm qua, dưới sự lãnh đạo, quản lý của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận đã luôn quan tâm, chú trọng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên song song với quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường. Trong đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường luôn thực hiện: nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức trong công tác và các mối quan hệ cuộc sống. Luôn xác định vai trò và vị trí của mình trong trường đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm chống chủ nghĩa cá nhân, biểu hiện của bè phái, lợi ích nhóm. Đội ngũ cán bộ, đảng viên Nhà trường không ngừng học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Bản thân của mỗi cán bộ, đảng viên đã cố gắng, nỗ lực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng nhằm thực hiện tốt mọi nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra và góp phần vào hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chung của Nhà trường. Đồng thời, trong công tác giảng dạy, giảng viên đã lựa chọn các nội dung phù hợp của Quy định số 144-QĐ/TW với các chuyên đề giảng dạy để lồng ghép vào bài giảng, tuyên truyền đến học viên các lớp đào tạo, bồi dưỡng những chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng của một số ít cán bộ, đảng viên chưa được thường xuyên, liên tục; đôi lúc chưa thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều quan trọng nhất trong thực hiện Quy định 144-QĐ/TW, đưa các chuẩn mực đạo đức cách mạng giai đoạn mới nhanh chóng đi vào cuộc sống đó là mỗi cán bộ,

đảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận phải tự quán triệt, thực sự thấm nhuần sâu sắc quy định và phải tự giác thực hành các chuẩn mực đạo đức một cách thường xuyên như cơm ăn, nước uống hằng ngày, xem đó là nhiệm vụ quan trọng góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của trường chính trị chuẩn. Để làm được điều đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên nhà trường về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Với môi trường công tác và chức năng, nhiệm vụ được giao, đội ngũ viên chức trường là những người tiên phong xây dựng và thực hành hiệu quả chuẩn mực đạo đức cách mạng. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó mỗi viên chức cần phải hiểu rõ vai trò của đạo đức cách mạng đối với người cán bộ, giảng viên Trường Đảng. Vì vậy, thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn hoặc các buổi báo cáo tình hình thời sự; thông qua tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, đảng bộ, chi bộ, các khoa, phòng chuyên môn và các đoàn thể trong nhà trường cần tập trung quán triệt, làm rõ những nội dung cơ bản của chuẩn mực đạo đức cách mạng. Tiếp tục rà soát, vận dụng những chuẩn mực đó để xây dựng thành các tiêu chí cụ thể, phù hợp, các nội dung cụ thể hóa phải ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Thứ hai, tích cực, chủ động lồng ghép nội dung chuẩn mực đạo đức cách mạng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu, vận dụng các văn bản mới của Đảng, Nhà nước, góp phần đưa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống

xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ viên chức trường. Vì vậy, trong quá trình tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, căn cứ vào từng phần học, từng chuyên đề, nhất là các phần học về: nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xây dựng Đảng; quản lý hành chính nhà nước; kỹ năng lãnh đạo, quản lý,... mỗi giảng viên phải chủ động tích hợp, lồng ghép các nội dung cụ thể của chuẩn mực đạo đức cách mạng vào bài giảng một cách phù hợp; việc tích hợp phải vừa đảm bảo làm rõ thêm các vấn đề lý luận trong bài học mà giáo trình đã cung cấp, vừa giúp học viên tự nhìn nhận, soi chiếu, liên hệ vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Cùng với giảng dạy, Trường có thể lựa chọn những nội dung cụ thể của chuẩn mực đạo đức cách mạng để làm đề tài khoa học, tổ chức hội thảo, tọa đàm; định hướng cho viên chức viết bài đăng trên các báo, tạp chí hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm.

Thứ ba, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của viên chức, đảng viên trong phát huy tính tự giác tu dưỡng, rèn luyện, cũng như trong nghiên cứu, học tập, cập nhật những nội dung trong Quy định số 144-QĐ/TW của Đảng để “tự soi”, “tự sửa”, không ngừng phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng và hoàn thiện bản thân. Đội ngũ viên chức, đảng viên phải luôn ý thức được tầm quan trọng của việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cũng như trong cuộc sống. Đặc biệt cần nghiên cứu, học tập sâu sắc những nội dung của Quy định 144-QĐ/TW để tự giác rèn luyện, tu dưỡng bản thân. Thực hiện tốt vai trò nêu gương của cấp uỷ, người đứng đầu. Các đồng chí Đảng uỷ viên, Ban Giám hiệu,

Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ, Trường, Phó các khoa, phòng phải là những người gương mẫu đi đầu trong việc thực hành các chuẩn mực đạo đức cách mạng theo Quy định 144 QĐ/TW.

Thứ tư, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hành các chuẩn mực đạo đức cách mạng. Hàng năm, Đảng uỷ và các chi bộ phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc tu dưỡng rèn luyện của mỗi viên chức, đảng viên, kịp thời phê bình, nhắc nhở những viên chức, đảng viên có hành vi chưa phù hợp với chuẩn mực đạo đức hoặc đi ngược lại với những nội dung đã đăng ký rèn luyện tu dưỡng. Đồng thời, kịp thời biểu dương khen thưởng những viên chức, đảng viên gương mẫu, thực hành tốt các chuẩn mực đạo đức. Việc xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, giúp mỗi viên chức, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác, góp phần nâng cao hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng đội ngũ viên chức, đảng viên Trường Chính trị Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu của trường chính trị chuẩn.

Quy định 144-QĐ/TW là sự phát triển bổ sung và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống quan điểm của Đảng về công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Với truyền thống, ý chí, bản lĩnh của Đảng ta, cùng sự nỗ lực, quyết tâm của đội ngũ cán bộ, đảng viên sẽ nhất định thực hiện thắng lợi Quy định số 144-QĐ/TW, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới đề ra, để thực hiện thắng lợi những mục tiêu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. ■

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN NỮ GÓP PHẦN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ ThS. Nguyễn Thị Hồng*

Tóm tắt: *Đội ngũ giảng viên nữ của Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận là một bộ phận của nữ trí thức Việt Nam. Họ là những người lao động trí óc, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, có trình độ học vấn cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đang trực tiếp tham gia vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và dự nguồn lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị cơ sở tại tỉnh Ninh Thuận.*

Từ khóa: *Đội ngũ giảng viên nữ; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Trường Chính trị Ninh Thuận.*

Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận là nơi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong tỉnh. Công tác giảng dạy lý luận chính trị có những đóng góp to lớn trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Để đảm trách và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đòi hỏi đội ngũ giảng viên nói chung và giảng viên nữ nói riêng của Trường phải có những yêu cầu nhất định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, phải làm gương trong công tác và lối sống, luôn nói phải đi đôi với làm.

Đội ngũ giảng viên nữ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận. Vai trò của đội ngũ giảng viên nữ được thể hiện trong tất cả những hoạt động của Trường, trong đó tập trung trên ba lĩnh vực cơ bản: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Một là, trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Đội ngũ giảng viên nữ có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Giảng dạy lý luận chính trị là bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho học viên, tăng cường niềm tin vào sự nghiệp cách mạng, vào đường lối đổi mới đất nước của Đảng; đấu tranh chống những tư tưởng sai lệch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, của Nhân dân. Hoạt động giảng dạy lý luận chính trị của đội ngũ giảng viên nữ góp phần trực tiếp trang bị cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở hiểu, quán triệt sâu sắc và vận dụng hiệu quả nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công việc, cuộc sống. Đây là nhiệm vụ quan trọng đối với đội ngũ trí thức nói chung và đội ngũ nữ trí thức nói riêng tại Nhà trường. Hiện nay, đội ngũ giảng viên nữ là 14 đồng chí, chiếm tỷ lệ 48,3% tổng số 29 cán bộ, viên chức của Trường. Trong đó 8 đồng chí có trình độ thạc sỹ (01 đồng chí đang làm nghiên cứu sinh), 06 đồng chí đang học cao học; 14/14 đồng chí có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

Trung bình mỗi năm, đội ngũ giảng viên nữ của Trường tham gia giảng dạy từ 08 lớp Trung cấp Lý luận chính trị trở lên, nhiều lớp bồi dưỡng theo các chức danh lãnh đạo quản lý, bồi dưỡng các lớp cho Hội đoàn thể... Theo Điều 12, Quy chế giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố

* Phó Trường Khoa Lý luận cơ sở.

trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) về quy định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên: Giờ chuẩn của giảng viên tập sự là tối đa 90 giờ chuẩn; giảng viên là 270 giờ chuẩn (ít nhất 135 giờ lên lớp giảng bài, thảo luận, hướng dẫn ôn thi); giảng viên chính là 290 giờ chuẩn (ít nhất 145 giờ lên lớp giảng bài, thảo luận, hướng dẫn ôn thi); giảng viên cao cấp là 310 giờ (ít nhất 155 giờ lên lớp giảng bài, thảo luận, hướng dẫn ôn thi). Giảng viên nữ của Trường (4 giảng viên chính, 10 giảng viên) đã luôn đảm bảo được định mức và vượt mức giờ chuẩn giảng dạy hàng năm.

Năm 2024, Trường hoàn thành xuất sắc Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt với tổng số 35/34 lớp vượt kế hoạch đề ra, với 2.589 lượt học viên; bao gồm 10 lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị với 641 học viên; 25 lớp bồi dưỡng với 1.948 học viên. Trên cơ sở chương trình chung, các giảng viên nữ đã chủ động cập nhật kiến thức, quan điểm mới; kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách, quy định mới của Đảng và Nhà nước gắn với tình hình thực tế của các địa phương, đơn vị, không ngừng nâng cao chất lượng bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Hai là, trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động rất quan trọng đối với những người làm công tác giảng dạy, nhất là giảng dạy lý luận chính trị. Nghiên cứu khoa học tốt giúp giảng viên tích lũy, nâng cao tri thức, phương pháp... góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Đây cũng là hoạt động bắt buộc trong quy chế giảng viên của các trường chính trị. Theo Quy chế

nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, giảng viên, góp phần đảm bảo yêu cầu lý luận gắn với thực tiễn. Trong đó, thực tiễn không chỉ dừng lại ở những ví dụ rời rạc trong đời sống mà phải đi từ cuộc sống, qua điều tra, nghiên cứu, có kết luận, có đánh giá chính xác thực chất vấn đề trên cơ sở khoa học; tổng kết đề khái quát thành lý luận khoa học. Lý luận khoa học chỉ đạo cho thực tiễn, giúp thực tiễn vận động, phát triển đúng hướng. Việc tăng cường công tác nghiên cứu khoa học là một yêu cầu, đồng thời cũng là một nhiệm vụ đối với cán bộ giảng dạy trong các trường chính trị hiện nay.

Vai trò của đội ngũ giảng viên nữ Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong hoạt động nghiên cứu khoa học được thể hiện rõ nét thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Họ không chỉ tham gia với tư cách là thành viên mà còn tham gia với tư cách là chủ nhiệm hoặc thư ký khoa học đề tài. Trong giai đoạn từ năm 2020-2024, đội ngũ giảng viên nữ của Trường làm chủ nhiệm 7/10 đề tài khoa học cấp cơ sở. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên nữ còn tích cực tham gia viết sách, giáo trình; biên soạn lịch sử Trường, viết bài tham luận tham gia Hội thảo khoa học trên các lĩnh vực chuyên môn như Hội thảo khoa học cấp tỉnh; cấp trường; cấp khoa, tham gia phản biện cho các đề tài nghiên cứu khoa học; viết bài đăng trên Tạp chí khoa học, Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn và trên trang thông tin điện tử của Trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã giúp đội ngũ giảng viên nữ của Trường từng bước nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức thực tiễn, gắn lý luận với thực

tiền ở cơ sở, nâng cao tính thực tiễn trong quá trình giảng dạy lý luận chính trị.

Ba là, trong hoạt động lãnh đạo, quản lý

Cùng với quá trình trưởng thành và phát triển, Trường rất quan tâm, tạo điều kiện và đề bạt cán bộ nữ tham gia các cấp ủy, chính quyền từ cấp Khoa, Phòng đến cấp trường. Qua đó, đội ngũ giảng viên nữ góp phần vào sự trưởng thành chung của Trường, sự tiến bộ của phụ nữ nói chung. Tham gia vào công tác lãnh đạo, quản lý ở các cương vị khác nhau, các cấp độ khác nhau đội ngũ giảng viên nữ, đã và đang phát huy được năng lực lãnh đạo, quản lý góp phần to lớn và trực tiếp vào việc hướng dẫn thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy chế chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Những năm qua, vai trò của nữ trí thức trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của Nhà trường được thể hiện rõ nét. Đội ngũ giảng viên nữ của Trường tham gia cấp ủy Đảng, nắm giữ các chức vụ quan trọng từ cấp ủy viên (3/6 đảng ủy viên là nữ) và Phó Bí thư Đảng ủy Trường. Nhìn chung, họ đều là những người lãnh đạo có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, biết lắng nghe, có khả năng thuyết phục, tác phong dân chủ và khoa học, hoàn thành tốt trách nhiệm được giao. Trong công tác chính quyền, đội ngũ giảng viên nữ được phân công nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng khác nhau, từ phó Khoa/Phòng (3 đồng chí là nữ), đến Trưởng Khoa/Phòng (1/5 đồng chí là nữ), Ban Giám hiệu Trường (2/2 đồng chí là nữ), kể cả vị trí cao nhất (Phó Hiệu trưởng phụ trách điều hành). Dù ở vị trí nào, đội ngũ giảng viên nữ đều nỗ lực, cố gắng vươn lên, phát huy năng lực lãnh đạo, quản lý.

Đội ngũ giảng viên nữ của Trường cũng tham gia khá đông đảo vào các tổ chức

Công đoàn, Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Nữ công. Họ giữ các chức vụ chủ chốt trong Ban Chấp hành Công đoàn (5/5 đồng chí là nữ), Ban Chấp hành Chi đoàn Thanh niên (1/3 là nữ), Trường ban Nữ công. Với các cương vị được giao, chị em đã và đang góp phần tích cực đưa các tổ chức đoàn thể Nhà trường phát triển, phát huy vai trò của các tổ chức trong công tác bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Đội ngũ giảng viên nữ hiện nay đã và đang đóng góp vai trò to lớn trên các lĩnh vực cơ bản, trọng yếu của Trường. Thời gian tới, để tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên nữ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của đội ngũ nữ trí thức nói chung và đội ngũ giảng viên nữ tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận nói riêng. Đảng và Nhà nước cần có những biện pháp, chính sách phù hợp đào tạo nguồn nhân lực trí thức, đặc biệt là nữ trí thức. Nhận thức đúng và tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ, trong đó có đội ngũ trí thức nữ, Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt,... tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng,... tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội”⁽¹⁾. Nhận thức đúng đắn phải được thể hiện ở việc nhìn nhận, đánh giá trí thức nữ một cách khách quan, công tâm, công bằng, khắc phục tính định kiến, hẹp hòi; mạnh dạn bố trí, sử dụng trí thức nữ, đề bạt trí thức nữ ở những vị trí xứng đáng khi có đủ điều kiện, trình độ năng lực đảm đương nhiệm vụ được giao.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2016, tr.163.

Thứ hai, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ giảng viên nữ đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cơ sở. Thông qua tạo cơ chế thuận lợi đặc biệt là về tài chính để đội ngũ giảng viên nữ học tập nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác chuyên môn. Bản thân mỗi giảng viên nữ cần xác định rõ tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ về mặt chuyên môn và chính trị, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, giải quyết hài hòa chức năng “kép” của bản thân giữa gia đình và sự nghiệp.

Thứ ba, làm tốt công tác tuyển dụng, đề bạt và bổ nhiệm đội ngũ giảng viên nữ. Cần phê phán, đấu tranh ngăn chặn hiện tượng phân biệt giới tính trong công tác tuyển dụng trí thức trẻ. Có chính sách ưu tiên đề bạt và bổ nhiệm đội ngũ giảng viên

nữ tham gia quản lý chuyên môn hoặc tham gia lãnh đạo cấp ủy và đoàn thể, đảm bảo sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới cần phải thực hiện đúng chủ trương của Đảng.

Thứ tư, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo động lực phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên nữ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Trường. Tổ chức Công đoàn, Ban nữ công của Trường cần làm tốt vai trò đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng; quan tâm đến đời sống tinh thần, nắm bắt tư tưởng của chị em; tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa nhằm nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức, vai trò, vị thế của phụ nữ; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho chị em. Đồng thời, giảng viên nữ cần có sự chia sẻ, giúp đỡ của các thành viên trong gia đình để giúp họ hoàn thành tốt vai trò của người phụ nữ trong gia đình và sự nghiệp. ■

GẮN KẾT LÝ LUẬN... (Tiếp theo trang 17)

“thực tiễn hóa lý luận giảng dạy” cần được xem là một chiến lược lâu dài.

Cuối cùng là vấn đề đánh giá kết quả học tập. Nếu chỉ dựa vào bài thi viết cuối kỳ với hình thức tái hiện kiến thức lý thuyết, thì rất khó khuyến khích học viên vận dụng và sáng tạo. Cần đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá: kết hợp bài viết phản biện, trình bày nhóm, thuyết trình chuyên đề, bài học rút ra từ đi thực tế,... để người học được thể hiện năng lực tư duy và vận dụng. Đây cũng là cách giúp các lớp lý luận chính trị trở thành “nơi rèn luyện thực hành quản trị công” chứ không chỉ là nơi học để thi.

Gắn kết lý luận và thực tiễn trong giảng dạy tại Trường Chính trị Ninh Thuận không phải là một yêu cầu mang tính thời

vụ, mà là xu thế tất yếu trong đổi mới đào tạo cán bộ hiện nay. Trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và tái cơ cấu bộ máy hành chính địa phương, một đội ngũ cán bộ không chỉ cần giỏi lý thuyết, mà còn phải biết ứng dụng, thích ứng và dẫn dắt sự thay đổi. Để làm được điều đó, người giảng viên lý luận chính trị cần không ngừng học hỏi, đổi mới, gắn bó với thực tế và truyền cảm hứng cho học viên bằng cả tri thức, trải nghiệm và trách nhiệm. Với quyết tâm đổi mới và sự hỗ trợ từ các cấp, Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận có thể trở thành điểm sáng trong mô hình đào tạo lý luận chính trị gắn thực tiễn - hiện đại, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển địa phương trong giai đoạn mới. ■

VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC QUA TÁC PHẨM “PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TA GIÀU MẠNH, VĂN MINH, HẠNH PHÚC” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

❖ ThS. Trần Thị Thu Hương*

Tóm tắt: Tác phẩm “Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc” đã làm sáng tỏ vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời định hướng những nhiệm vụ quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò của mình trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Từ khóa: Đại đoàn kết; Mặt trận Tổ quốc; Nguyễn Phú Trọng; Phát triển đất nước.

Tác phẩm “Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng không chỉ là một văn kiện lý luận chính trị quan trọng mà còn là kim chỉ nam cho hành động, thể hiện tầm nhìn chiến lược về vai trò then chốt của đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) được khẳng định là hạt nhân, là biểu tượng sống động của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với sự phát triển toàn diện của đất nước.

Trong các bài nói, bài viết, bài phát biểu, thư, trả lời phỏng vấn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong tác phẩm đã

làm rõ các vấn đề cơ bản: nền tảng lý luận về đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của MTTQVN; vai trò của MTTQVN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và trả lời câu hỏi: “Phải làm gì để phát huy vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?”.

Về nền tảng lý luận về đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của MTTQVN, trong tác phẩm, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh rằng đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những truyền thống quý báu nhất của dân tộc Việt Nam, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước; sức mạnh của đại đoàn kết chính là cội nguồn của mọi thắng lợi, là yếu tố quyết định sự tồn vong và phát triển của dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được khẳng định và phát triển trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. MTTQVN với vai trò là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong xã hội, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp Nhân dân, không phân biệt dân tộc, tôn

* Phó Trường Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể.

giáo, giới tính, thành phần xã hội, để xây dựng một khối thống nhất vững chắc.

Về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định dù ở thời kỳ nào - trong công cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, tự do, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, “vai trò và sứ mệnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn là nòng cốt đoàn kết, là ngôi nhà chung của toàn dân tộc,... Đó là sứ mệnh chính trị cao cả, nặng nề, khó khăn, phức tạp, nhưng rất vẻ vang”⁽¹⁾. Tác phẩm đã cụ thể hóa MTTQVN không chỉ là biểu tượng đại đoàn kết toàn dân tộc mà còn là nhân tố quan trọng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước bền vững cả ở khía cạnh chính trị, kinh tế lẫn văn hóa, xã hội.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của MTTQVN là tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc hay tôn giáo. Thông qua việc thành lập các tổ hòa giải ở các khu dân cư, MTTQVN đã giúp giải quyết kịp thời các mâu thuẫn nhỏ trong cộng đồng, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, ổn định xã hội. Thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các tầng lớp nhân dân, MTTQVN đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng các chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, mang lại sự đồng thuận cao trong xã hội, giúp thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

MTTQVN thực hiện chức năng giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên,

thông qua việc tham gia các đoàn giám sát, tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Việc giám sát và phản biện xã hội của MTTQVN góp phần phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, góp phần hoàn thiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng một bộ máy Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Ngoài ra, thông qua những phong trào thi đua yêu nước và các chương trình an sinh xã hội, MTTQVN đã phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, sáng tạo và truyền thống tương thân tương ái của người Việt Nam. Các phong trào, cuộc vận động thiết thực như “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Đoàn kết sáng tạo nâng cao năng suất chất lượng hiệu quả, hội nhập quốc tế”,... đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, lan tỏa rộng rãi, hỗ trợ hàng triệu người dân và thúc đẩy cộng đồng phát triển bền vững. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, MTTQVN còn là cầu nối quan trọng để quảng bá hình ảnh Việt Nam, góp phần nâng cao vai trò và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Qua việc tổ chức, phối hợp với các tổ chức xã hội, các hiệp hội trong và ngoài nước, MTTQVN đã thể hiện vai trò tiên phong trong việc kết nối các nguồn lực và hình thành mối quan hệ hợp tác toàn diện.

Tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh vai trò của MTTQVN trong việc củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. MTTQVN có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới

(1) Nguyễn Phú Trọng, *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, H.2023, tr.16.

quốc gia. MTTQVN tham gia vào quá trình xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, thông qua việc vận động Nhân dân tham gia nghĩa vụ quân sự, ủng hộ các hoạt động của lực lượng vũ trang, chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. MTTQVN đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, thông qua việc vận động Nhân dân ở các vùng biên giới nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ biên giới, tham gia các hoạt động tuần tra, kiểm soát biên giới, phát hiện và tố giác các hành vi vi phạm pháp luật.

Để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của MTTQVN trong sự phát triển đất nước, tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đề ra một số giải pháp quan trọng sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của MTTQVN. Công tác tuyên truyền, giáo dục cần được tăng cường để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò của MTTQVN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. MTTQVN phải xác định điểm tương đồng, “mẫu số chung” - cơ sở quan trọng và vững chắc để khơi dậy, phát huy và quy tụ lòng người, tập hợp được đông đảo các giai cấp, tầng lớp, các tôn giáo, dân tộc, huy động mọi lực lượng trong Nhân dân. Theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong giai đoạn hiện nay “đó chính là mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, phấn đấu đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao”⁽²⁾.

(2) Nguyễn Phú Trọng, *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, H.2023, tr.35.

Thứ hai, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của MTTQVN. MTTQVN cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, “hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư”, đi sâu, đi sát vào các tầng lớp Nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời phản ánh với Đảng, Nhà nước, “tiếp tục đi vào thực chất, có trọng tâm, trọng điểm”. Vai trò của các tổ chức thành viên, các cá nhân tiêu biểu trong xã hội cần được phát huy để MTTQVN thực sự là ngôi nhà chung của mọi người dân Việt Nam. Việc nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội cần trở thành một ưu tiên, giúp tổ chức này trở thành công cụ hiệu quả hơn trong việc xây dựng và bảo vệ lợi ích của Nhân dân. Đồng thời, MTTQVN cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động giáo dục, tuyên truyền để khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức công dân và trách nhiệm xã hội của từng cá nhân trong cộng đồng. Các phong trào thi đua cần tiếp tục đổi mới cả về nội dung và hình thức để phù hợp với yêu cầu hiện đại, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ hơn trong xã hội. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, MTTQVN cũng nên tận dụng tốt hơn các cơ hội hợp tác quốc tế. Việc học hỏi các kinh nghiệm từ nước ngoài có thể mang lại nhiều giải pháp sáng tạo, hiệu quả cho các vấn đề trong nước, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với MTTQVN. Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo đối với MTTQVN, tạo điều kiện thuận lợi để MTTQVN hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có cơ chế để MTTQVN tham gia sâu rộng hơn vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên.

(Xem tiếp trang 31)

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ VIỆC LÀM, SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

❖ CN. Nguyễn Thành Linh*

Tóm tắt: Hiến pháp là luật cơ bản của nước CHXHCN Việt Nam; việc đề xuất làm, sửa đổi Hiến pháp có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động của nhà nước và đời sống xã hội. Do đó, việc nghiên cứu quy trình làm, sửa đổi Hiến pháp - đặc biệt gắn với tình hình, hoàn cảnh lịch sử, có vai trò quan trọng trong nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị.

Từ khóa: Hiến pháp; Sửa đổi Hiến pháp; Ngành luật Hiến pháp.

Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất; mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp; mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý và Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp; Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định.

Theo dòng lịch sử lập hiến, kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước ta có 05 bản Hiến pháp, cụ thể là:

- Hiến pháp 1946, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành ngày 09/11/1946. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước. Hiện nay, ngày thông qua bản Hiến pháp 1946 (09/11/1946) được chọn là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý

thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội.

- Hiến pháp 1959, do Quốc hội khóa 2 thông qua vào ngày 12/12/1959. Bản Hiến pháp này thể hiện bước phát triển mới của Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ miền Bắc thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Hiến pháp 1980, do Quốc hội khóa 5 thông qua vào ngày 18/12/1980. Bản Hiến pháp này thể hiện bước phát triển mới của Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ cả nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Hiến pháp 1992, do Quốc hội khóa 8 thông qua vào ngày 15/04/1992. Bản Hiến pháp này thể hiện bước phát triển mới của Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hiến pháp 2013, do Quốc hội khóa 13 thông qua vào ngày 28/11/2013. Bản Hiến pháp này thể hiện bước phát triển mới của Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Có thể khẳng định rằng “so với các hiến pháp trước đây Hiến pháp 2013 có những bước tiến bộ rõ rệt”⁽¹⁾.

Đời sống xã hội và các mối quan hệ xã hội luôn luôn thay đổi, phát triển. Do đó, các quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật và các ngành luật cũng phải thay đổi, bổ sung, phát triển để ngày càng hoàn thiện hơn. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định rằng: Trong 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực, thì thể chế là

* GV. kiêm nhiệm Phòng QLĐT và NCKH.

(1) Nguyễn Đăng Dung, *Kiểm soát quyền lực nhà nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2022, tr.184.

“điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” và do đó cần chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật⁽²⁾. Và do đó, rất cần nghiên cứu các quy định về sửa đổi Hiến pháp - là văn bản “luật khung”, “luật gốc”, “luật của các luật”.

Hiện nay, quy trình cơ bản về việc sửa đổi Hiến pháp được quy định cụ thể như sau:

Bước 1 - Đề nghị làm, sửa đổi Hiến pháp: Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp.

Bước 2 - Quyết định việc làm, sửa đổi Hiến pháp: Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Bước 3 - Thành lập cơ quan soạn thảo dự thảo: Quốc hội thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bước 4 - Tiến hành soạn thảo dự thảo Hiến pháp, lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến: Ủy ban dự thảo Hiến pháp soạn thảo và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Quốc hội dự thảo Hiến pháp.

Bước 5 - Thông qua Hiến pháp: Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định.

(2) Dẫn theo Báo Tuổi trẻ online, *Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”*, <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-dut-khoat-tu-bo-tu-duy-khong-quan-duoc-thi-cam-20241021095504202.htm>, truy cập ngày 25/3/2025.

Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra mục tiêu yêu cầu việc “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân”⁽³⁾. Do đó, các nội dung từ bước đề xuất làm, sửa đổi Hiến pháp cho đến bước thông qua Hiến pháp phải đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, chặt chẽ, lấy ý kiến nhân dân rộng rãi để đảm bảo dân chủ, quyền con người và quyền công dân.

Trong bối cảnh “cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy” đang diễn ra và “Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới”⁽⁴⁾, việc nghiên cứu quy trình sửa đổi Hiến pháp giúp nâng cao kiến thức chuyên môn và thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy, đặc biệt là các nội dung thuộc Bài 3 - Pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thuộc học phần C.II, cụ thể là:

Một là, liên hệ để làm rõ nội dung “Luật Hiến pháp là một ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật của nước CHXNCN Việt Nam”, mà trọng tâm là Hiến pháp là Luật khung để các ngành luật khác dựa vào đó xây dựng Luật chuyên ngành và Hiến pháp thể hiện ý chí của lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Bởi lẽ thực hiện chủ trương, đường lối về tinh gọn bộ máy, cấp hành chính của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nếu “triển khai sắp xếp, bỏ cấp huyện thì chắc chắn phải tính

(3) Tiểu mục 1.1, Chương III, Nghị quyết số 27-NQ/TW.

(4) Báo Nhân dân điện tử, *Cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy: mục tiêu, thách thức và cơ hội*, <https://nhandan.vn/cuoc-cach-mang-tinh-gon-bo-may-muc-tieu-thach-thuc-va-co-hoi-post851998.html>, truy cập ngày 25/3/2025.

đến sửa Hiến pháp”⁽⁵⁾. Sau khi sửa đổi Hiến pháp đúng quy định, chắc chắn phải nghiên cứu khả năng sửa đổi, bổ sung các văn bản Luật khác như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ,... để phù hợp với Hiến pháp, đồng thời phù hợp với yêu cầu, tình hình mới, đáp ứng được nhu cầu từ thực tiễn đời sống xã hội và tổ chức bộ máy.

Hai là, liên hệ để làm rõ đối tượng điều chỉnh của ngành Luật Hiến pháp, trong đó trọng tâm là nhóm các quan hệ cơ bản phát sinh trong xây dựng, tổ chức hoạt động và tổ chức bộ máy. Làm rõ mối quan hệ giữa các chế định Quốc hội - Chủ tịch nước - Chính phủ - Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân - Chính quyền địa phương - Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước; đặc

biệt gắn với cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và điều chỉnh cấp, địa giới hành chính.

Ba là, liên hệ để làm rõ phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Hiến pháp. Phương thức điều chỉnh đặc thù của ngành Luật Hiến pháp là xác lập những nguyên tắc chung mang tính định hướng cho các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật Hiến pháp, trong đó gắn các nguyên tắc chung với cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và điều chỉnh cấp, địa giới hành chính như: tăng cường phân cấp, phân quyền, tinh gọn - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu,...

Tóm lại, việc nghiên cứu quy trình sửa đổi Hiến pháp nói riêng và toàn bộ tình hình, bối cảnh của quá trình sửa đổi Hiến pháp nói chung có ý nghĩa to lớn khi nghiên cứu về lịch sử pháp luật và nghiên cứu về ngành Luật Hiến pháp trong Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị. ■

(5) Báo Tuổi trẻ, *Nếu bỏ cấp huyện phải sửa Hiến pháp*, <https://tuoitre.vn/pho-chu-nhiem-uy-ban-phap-luat-va-tu-phap-neu-bo-cap-huyen-phai-sua-hien-phap-20250228095802491.htm>, truy cập ngày 25/3/2025.

VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN... (Tiếp theo trang 28)

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ MTTQVN có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực công tác cao. Đội ngũ cán bộ MTTQVN cần được chú trọng xây dựng có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực công tác cao, có tâm huyết với công việc, gần gũi với Nhân dân; có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút và giữ chân những cán bộ giỏi, có năng lực, có tâm huyết với công tác mặt trận.

Tóm lại, tác phẩm “Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định vai trò rất quan trọng của MTTQVN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. MTTQVN không chỉ là biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân

tộc mà còn là lực lượng nòng cốt trong việc tập hợp, đoàn kết, vận động Nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của MTTQVN trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp mà Tổng Bí thư đã chỉ ra trong tác phẩm. Việc nghiên cứu, quán triệt và vận dụng sáng tạo những tư tưởng chỉ đạo trong tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và của toàn thể Nhân dân, góp phần xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc. ■

KẾ THỪA NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA HIẾN PHÁP NĂM 1946 VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

❖ CN. Võ Thị Kim Loan*

Tóm tắt: Xây dựng mô hình chính quyền địa phương trong bối cảnh hiện nay cần dựa trên nhiều yếu tố khác nhau để đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Trong đó, cần kế thừa những yếu tố hợp lý trong tổ chức chính quyền địa phương qua các thời kỳ. Bài viết khái quát một số nội dung về tổ chức chính quyền địa phương nước ta theo Hiến pháp 1946 và các giá trị có thể tham khảo trong công cuộc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay.

Từ khóa: Chính quyền địa phương; Đổi mới; Hiến pháp 1946; Sắp xếp tổ chức bộ máy;

Ngày 09/01/1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Gần 80 năm trôi qua, nhưng những tư tưởng vượt thời đại của bản Hiến pháp 1946 vẫn vẹn nguyên giá trị, đặc biệt là tư tưởng về xây dựng mô hình chính quyền địa phương bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tổ chức hợp lý các cấp chính quyền địa phương. Những tư tưởng ấy có giá trị tham khảo lớn trong xây dựng chính quyền địa phương nhằm tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương và công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Chính quyền địa phương của nhà nước kiểu mới - nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập từ khá sớm - ngay trong cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng giành chính quyền của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. Các Ủy ban giải phóng ra đời trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền

ở các huyện, các làng,... là hình thức chính quyền của nhân dân các địa phương khi ta chưa giành được chính quyền trong cả nước. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, các Ủy ban giải phóng đã trở thành các Ủy ban nhân dân là tổ chức chính quyền tiền thân của các Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính sau này.

Để xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ cho tổ chức chính quyền địa phương, sau khi khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 63 ngày 22/11/1945 về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã, huyện, tỉnh, kỳ và Sắc lệnh số 77 ngày 21/12/1945 về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính thành phố, khu phố. Đến ngày 9/11/1946, Quốc hội chính thức thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hiến pháp đã kế thừa và khẳng định mô hình tổ chức chính quyền địa phương được ghi nhận tại hai Sắc lệnh số 63 và số 77 năm 1945.

Hiến pháp 1946 có 7 chương với 70 điều đã dành một chương riêng (Chương V “Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính”) với 6 điều (Điều 57 đến Điều 62) để quy định về tổ chức chính quyền địa phương.

Vấn đề đầu tiên và quan trọng nhất trong thiết lập mô hình tổ chức chính quyền địa phương của Hiến pháp 1946 là phân chia các đơn vị hành chính. Theo đó, Hiến pháp 1946, một mặt kiên quyết phủ nhận âm mưu chính trị thâm độc “chia để trị” của thực dân Pháp (chia nước ta ra ba kỳ: Bắc Kỳ, Trung

* GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật.

Kỳ và Nam Kỳ với chế độ chính trị - pháp lý của mỗi kỳ khác nhau) nhằm chia rẽ khối đoàn kết của Nhân dân Việt Nam để chúng dễ bề cai trị. Nhưng “về phương diện hành chính”, nhà nước kiểu mới cũng đã kế thừa duy trì đơn vị hành chính này để quản lý đất nước cho hiệu quả và kịp thời. Theo đó, Điều 2 Hiến pháp 1946 quy định: “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia” “gồm có ba bộ: Bắc, Trung, Nam” (Điều 57 Hiến pháp 1946). Bộ là loại đơn vị hành chính có tính chất vùng, miền cần phải có ở những quốc gia có diện tích tương đối rộng lớn và nhất là trải dài như nước ta.

Hiến pháp 1946 về cơ bản kế thừa và duy trì các đơn vị hành chính trước đó đã được người Pháp xác lập, để bảo đảm sự ổn định, tránh xáo trộn⁽¹⁾. Vì vậy, Điều 57 Hiến pháp 1946 quy định các đơn vị hành chính này được phân chia như sau: “Mỗi bộ chia thành tỉnh, mỗi tỉnh chia thành huyện, mỗi huyện chia thành xã”. Hiến pháp tuy không trực tiếp quy định đơn vị hành chính thành phố và thị xã⁽²⁾ nhưng đã gián tiếp quy định đơn vị hành chính này (Điều 58 Hiến pháp 1946) và theo Sắc lệnh số 77 năm 1945, thành phố được chia thành các khu phố.

Hiến pháp 1946 không đánh đồng tất cả các đơn vị hành chính như nhau mà phân biệt rõ đơn vị hành chính cơ bản, mang tính “tự nhiên” (xã, tỉnh ở địa bàn nông thôn; thành phố ở địa bàn đô thị) với đơn vị hành chính có tính chất trung gian, mang tính “nhân tạo” (bộ, huyện và khu phố).

Chính từ sự phân biệt khác nhau cơ

bản giữa các loại đơn vị hành chính này nên Hiến pháp 1946 đã quy định cơ cấu tổ chức các cơ quan chính quyền địa phương ở mỗi loại đơn vị hành chính là khác nhau.

Theo quy định của Điều 58 Hiến pháp 1946, chính quyền địa phương gồm có bốn cấp: cấp bộ - cấp tỉnh, thành phố - cấp huyện, thị xã, khu phố và cấp xã. Nhưng trong bốn cấp chính quyền địa phương nói trên, chỉ có chính quyền cấp xã, cấp tỉnh và chính quyền cấp thành phố, thị xã được xác định là cấp chính quyền cơ bản và hoàn chỉnh, có cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Còn cấp bộ và cấp huyện chỉ là cấp trung gian, đại diện cho chính quyền cấp trên trong mối quan hệ với chính quyền cấp dưới nên không là cấp chính quyền hoàn chỉnh, không có cơ quan dân cử là Hội đồng nhân dân, mà chỉ có Ủy ban hành chính.

Hiến pháp 1946 do phân biệt sự khác nhau giữa địa bàn nông thôn và địa bàn đô thị nên quy định tỉnh tổ chức ba cấp chính quyền (tỉnh - huyện và xã), trong đó có hai cấp chính quyền hoàn chỉnh là tỉnh và xã. Khác với tỉnh, thành phố là một chỉnh thể thống nhất nên cả thành phố là một cấp chính quyền cơ bản và thống nhất cho toàn thành phố, có cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Thành phố tuy được chia thành các khu phố nhưng khu phố chỉ là địa hạt hành chính, chỉ có Ủy ban hành chính để vừa đại diện cho chính quyền thành phố và vừa đại diện cho nhân dân ở khu phố trong mối quan hệ với chính quyền thành phố.

Việc thành lập Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp cũng được Điều 58 Hiến pháp 1946 quy định rất linh hoạt, sáng tạo. Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân thị xã và Hội đồng nhân dân thành phố “do đầu phiếu phổ thông và trực tiếp bầu ra”. Ủy ban hành chính ở những cấp này do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu. Nhưng việc thành lập Ủy ban hành chính bộ, Ủy ban hành chính huyện

(1) Theo Bảng đính kèm theo Sắc lệnh số 51 ngày 17/10/1945 về thể lệ Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, cả nước vẫn duy trì 70 đơn vị hành chính tỉnh, thành phố và vẫn giữ nguyên tên gọi các tỉnh, thành phố từ thời Pháp thuộc.

(2) Điều 1 Sắc lệnh số 77 ngày 21/12/1946 quy định: “các tỉnh lỵ và những nơi đô hội mà lâu nay về mặt hành chính được biệt lập và trực tiếp với tỉnh, từ nay sẽ gọi là thị xã”.

và Ủy ban hành chính khu phố nơi không có Hội đồng nhân dân lại được Hiến pháp quy định rất khác nhau. Quán triệt nguyên tắc “Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” trong Lời nói đầu Hiến pháp 1946, nên Ủy ban hành chính ở những cấp “trung gian” không phải do Chính phủ hay Ủy ban hành chính cấp trên bổ nhiệm. Điều 58 Hiến pháp 1946 quy định độc đáo: “Ủy ban hành chính bộ do Hội đồng nhân dân các tỉnh và thành phố bầu ra. Ủy ban hành chính huyện do Hội đồng nhân dân các xã bầu ra”.

Theo quy định tại hai Sắc lệnh số 63 và số 77 năm 1945, cho thấy tổ chức các cấp chính quyền địa phương thời kỳ này hết sức gọn nhẹ. Ví dụ, Hội đồng nhân dân chỉ có 15 đến 25 hội viên đối với cấp xã, hoặc 20 đến 30 hội viên đối với cấp tỉnh. Số thành viên Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố và huyện chỉ có ba ủy viên chính thức (một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch, một Thư ký) và hai ủy viên dự khuyết. Riêng Ủy ban hành chính kỳ, Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn có năm ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết, Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội có hai Phó Chủ tịch.

Những quy định trên của Hiến pháp 1946 vừa bảo đảm tính hợp lý, tinh gọn trong bộ máy chính quyền địa phương nhưng cũng tạo nên sự năng động, quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan chính quyền địa phương trong việc giải quyết những vấn đề nảy sinh ở địa phương, phục vụ kịp thời nhu cầu và lợi ích của nhân dân địa phương, đồng thời ngăn ngừa tình trạng cục bộ địa phương của các cơ quan chính quyền địa phương các cấp.

Kế thừa những giá trị to lớn về mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong Hiến pháp 1946, việc đổi mới mô hình chính quyền địa phương trước nhu cầu đổi mới chung của bộ máy nhà

nước, hệ thống chính trị thời gian cũng được nghiên cứu, thực hiện mạnh mẽ. Theo quy định hiện hành của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, quy định, chính quyền địa phương được tổ chức theo 3 cấp gồm: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã (xã, phường, thị trấn). Hiến pháp cũng quy định, việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định.

Bối cảnh, yêu cầu quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay thể hiện các điều kiện để tổ chức lại mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, bỏ cấp trung gian đã chín muồi. Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đã đặt ra yêu cầu trong việc nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, mô hình chính quyền 2 cấp (gồm cấp tỉnh và cấp xã) sẽ phải sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật, đầu tiên là Hiến pháp. Với những bước chuyển mạnh mẽ nhanh chóng của cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức bộ máy, việc sửa đổi Hiến pháp 2013 là tất yếu, trong đó có sự kế thừa những “hạt nhân” hợp lý của tư tưởng xây dựng chính quyền địa phương trong Hiến pháp 1946, để hiện thực mục tiêu: phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, tạo không gian phát triển mới cho các địa phương, cho đất nước trong “kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Chủ trương bỏ cấp huyện trong xây dựng mô hình chính quyền địa phương sẽ bớt được tầng lớp trung gian

(Xem tiếp trang 38)

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

❖ CN. Nguyễn Thị Lành*

Tóm tắt: Bài viết khẳng định vai trò của phát huy sức mạnh đại đoàn toàn dân tộc trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay và đưa ra một số yếu tố tác động đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân qua đó đề ra một số phương hướng để tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trước những tác động đó.

Từ khóa: Đại đoàn kết; Đoàn kết toàn dân tộc; Xây dựng Đảng.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước; là giá trị to lớn, cơ sở, nền tảng quan trọng trong phát huy toàn diện sức mạnh trí tuệ, sự sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, là động lực to lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang đứng trước kỷ nguyên vươn mình, việc phát huy sức mạnh xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm các dân tộc, các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, nhân sĩ, trí thức, đồng bào ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài, sẽ khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc, chớp lấy thời cơ, vận hội, quyết tâm tiến kịp sự chuyển động của thế giới đang ngày càng phát triển có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thành công mục tiêu trong quá trình tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, việc tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay đặt ra không ít các vấn đề, trong đó, đan xen cả thuận lợi và những thách thức.

Thứ nhất, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và định hướng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa- mở ra cả cơ hội và thách thức.

Với việc tham gia sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại và hợp tác quốc tế, mở ra cho Việt Nam cơ hội phát triển kinh tế tăng cao, tạo việc làm, tăng thu nhập, tạo dựng nguồn lực quan trọng để thực hiện được các chính sách an sinh xã hội (y tế, giáo dục, bảo hiểm, giảm nghèo,...) góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, đi kèm với đó là thách thức về cạnh tranh, bảo vệ bản sắc văn hóa và chủ quyền quốc gia. Với sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc trên thế giới, với phương châm “lợi ích dân tộc là trên hết” làm cho bối cảnh thế giới thay đổi liên tục, đặc biệt là kinh tế thế giới từ đó kéo theo những bất ổn về mặt chính trị đã đặt ra vấn đề lớn đối với chính phủ các nước trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, khi đã chấp nhận hội nhập sâu vào thế giới thì Việt Nam sẽ phải chấp nhận việc thâm nhập của văn hóa bên ngoài, có thể làm phát sinh các vấn đề về xã hội, xung đột về các tư tưởng mới - cũ đan xen,... từ đó, có thể làm nảy sinh các vấn đề xã hội, gây chia rẽ, mất đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Thêm vào đó, trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xã hội xuất hiện nhiều giai tầng với những lợi ích khác nhau, rất dễ dẫn đến những mâu thuẫn về lợi ích các nhân và lợi ích cộng đồng. Do đó, vấn đề đặt ra đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đó là: Phải vừa phát triển các thành phần kinh tế, vận hành nền kinh tế theo đúng các nguyên tắc của kinh tế thị trường nhưng phải hướng đến mục tiêu chung của quốc gia - dân tộc: “...dân chủ, công bằng, văn minh”, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

* GV. Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể.

Chính vì thế, trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được thực hiện dựa trên cơ sở “mẫu số chung” - đó là điểm tương đồng. Về chính trị, điểm đồng thuận là hướng đến mục tiêu chung: Giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Về kinh tế, là sự phát triển hài hòa các lợi ích (cá nhân, tập thể, cộng đồng, xã hội,...) vì sự phát triển chung của đất nước. Về tư tưởng, là chủ nghĩa yêu nước chân chính của mọi tầng lớp nhân dân. Về văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh, là sự hướng thiện, tôn trọng những giá trị văn hóa, đạo đức mang tính nhân bản; là sự giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và cộng đồng; là sự tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng.

Thứ hai, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những vấn đề đặt ra với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của Nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Giải quyết tốt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, nâng cao cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, các giai tầng xã hội và của mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội, đóng góp cho đất nước và thụ hưởng thành quả phát triển - đây chính là nội dung cơ bản trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ quan trọng của công cuộc đổi mới - là cơ sở quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh - ngược lại đại đoàn kết toàn dân tộc sẽ là cội nguồn sức mạnh để xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Cụ thể là: Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt chưa rõ nên trong tổ chức các hoạt động còn lúng túng; cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ; hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn; việc chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương, phép nước còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước; tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế; số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn nhiều hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ đó, đặt ra yêu cầu: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là điều kiện cần đặc biệt quan trọng trong điều kiện hiện nay khi đất nước ta phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập quốc tế. Không có hệ thống pháp luật đủ mạnh thì không thể quản lý, điều hòa các quan hệ xã hội, các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đồng thời cũng không thể quản lý các tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội quần chúng với tư cách là các hình thức tổ chức của đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong xây dựng nhà nước pháp quyền, chuyển đổi mạnh mẽ sang xây dựng nhà nước kiến tạo, đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước phù hợp với chuyển đổi số.

Thứ ba, sự phát triển của Cách mạng khoa học, công nghệ lần thứ tư

Cuộc Cách mạng khoa học, công nghệ lần thứ tư đang diễn ra với tốc độ nhanh, quy mô rộng lớn, tích hợp nhiều lĩnh vực, tương tác đa chiều. *Về mặt tích cực*, những thành tựu của cuộc cách mạng này tạo những điều kiện thuận lợi trong tận dụng cho nước ta cơ hội “đi tắt, đón đầu” nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo cơ sở vật chất, tăng cường tiềm lực, sức mạnh nội lực. Đồng thời, tạo ra những điều kiện mới để tiếp tục củng cố, tăng cường lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Về mặt tiêu cực*, khoa học, công nghệ lần thứ tư tạo ra những thay đổi to lớn về lối sống, văn hóa, đạo đức của con người, đưa đến nguy cơ về sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, chạy theo đồng tiền,... phá vỡ những giá trị của văn hóa xã hội chủ nghĩa, làm suy yếu sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt khác, khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ là cơ hội để các thế lực thù địch tận dụng tối đa những công cụ, phương tiện, nhất là không gian mạng nhằm tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng nước ta.

Thứ tư, sự biến động về giai tầng xã hội và xu hướng dân chủ hóa

Dân chủ hóa trong đời sống xã hội, nhất là dân chủ hóa trong đời sống chính trị đang tác động mạnh mẽ đến các quốc gia - dân tộc. Dân chủ trong chính trị ở nước ta có những bước tiến vượt bậc. Điều này thể hiện rõ hơn cả ở chỗ quyền công dân gắn với quyền con người được đề cao, tôn trọng và bảo vệ bằng pháp luật, tích cực thực hiện các công ước quốc tế liên quan quyền con người mà Việt Nam đã ký kết và tham gia; coi trọng dân chủ ở cơ sở, coi trọng phản biện xã hội, đề cao thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là bước tiến mở rộng dân chủ trực tiếp, nâng cao chất lượng dân chủ đại diện, đưa phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm*

tra, dân thụ hưởng” vào cuộc sống ở cơ sở. Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên; không ngừng nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức; góp phần đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao vai trò, uy tín của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân.

Tuy nhiên, ở một số nơi, nhận thức và thực hành về dân chủ còn hạn chế, thực hiện dân chủ ở cơ sở còn hình thức, quyền làm chủ của nhân dân chưa hoàn toàn được tôn trọng và phát huy, chưa có cơ chế đầy đủ bảo đảm để nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của quyền lực.

Phát huy dân chủ gắn với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đòi hỏi phải nâng cao nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ. Mở rộng và phát huy dân chủ là điều kiện quan trọng đầu tiên để tạo môi trường chính trị “trong lành”, bảo đảm sự tôn trọng, bình đẳng lẫn nhau về quyền và lợi ích, trách nhiệm, cơ hội phát triển. Có được điều kiện này, các giai cấp, các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người trong bộ máy công quyền với công dân mới có thể đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Với các yếu tố tác động như trên, để tiếp tục xây dựng đại đoàn kết toàn dân tộc cần: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực

cầm quyền và sức chiến đấu của TCCS Đảng góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo

đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của nhân dân.

Lấy phát huy dân chủ là động lực của phát triển đất nước, động lực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Xây dựng, thực hiện dân chủ giúp phát huy hết tiềm năng sáng tạo, động viên tính tích cực, chủ động của nhân dân trong giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân, quan tâm lợi ích thiết thân của con người. Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được coi là động lực phát triển đất nước. Coi trọng và phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân nhằm tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần của đất nước. ■

KẾ THỪA NHỮNG GIÁ TRỊ... (Tiếp theo trang 34)

giúp cho chủ trương, đường lối, chính sách nhanh chóng đến với người dân, doanh nghiệp hơn. Việc bỏ cấp trung gian - cấp huyện trong thời điểm này là cần thiết, làm cho các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước xuống thẳng cơ sở, không phải qua tầng nấc trung gian - cấp huyện, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đòi hỏi chúng ta phải biết tận dụng cơ hội, thay đổi nhanh chóng để phát triển.

Theo đó, khi tổ chức chính quyền địa phương từ ba cấp sang hai cấp cần điều chỉnh lại nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp chính quyền cho phù hợp để đảm bảo chính quyền các địa phương không chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Song song với đó là sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã, theo

dự kiến từ 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh và 10.035 đơn vị hành chính cấp xã hiện nay sẽ được sắp xếp còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh và khoảng 5000 đơn vị hành chính cấp xã.

Việc thực hiện đồng thời các nhiệm vụ trên là chủ trương lớn, tầm nhìn chiến lược, dài hạn, vì sự phát triển lâu dài và bền vững của đất nước. Đây không chỉ là vấn đề xóa bỏ một cấp chính quyền, điều chỉnh địa giới hành chính; tinh gọn đầu mối mà còn là điều chỉnh không gian kinh tế; điều chỉnh về phân công, phân cấp, điều chỉnh về phân bổ và kết hợp các nguồn lực kinh tế; hướng tới mục tiêu lớn hơn là mở rộng không gian phát triển, tạo nền tảng, sức bật cho mỗi địa phương phát triển để đất nước “vươn mình” theo các mục tiêu, tầm nhìn dài hạn; đặc biệt phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển của thế giới. ■

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA SAMUELSON VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG LÝ THUYẾT NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG HỖN HỢP TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

❖ CN. Trịnh Thị Bích Ngân*

Tóm tắt: Bài viết phân tích quan điểm của Samuelson về vai trò của Nhà nước trong lý thuyết nền kinh tế thị trường hỗn hợp. Từ đó, rút ra các giải pháp vận dụng phù hợp trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nền kinh tế thị trường; Samuelson; Vai trò của Nhà nước; Việt Nam.

Trong quá trình phát triển kinh tế, vai trò của Nhà nước luôn là một trong những vấn đề cốt lõi được các nhà kinh tế học quan tâm và tranh luận. Một trong những lý thuyết kinh tế nổi bật về vấn đề này là mô hình nền kinh tế thị trường hỗn hợp của P.A.Samuelson.

P.A.Samuelson là nhà kinh tế học người Mỹ, đại biểu của trường phái kinh tế học vĩ mô tổng hợp và có đóng góp to lớn ở một loạt lĩnh vực của kinh tế học. Ông là người Mỹ đầu tiên nhận được Giải Nobel kinh tế (1970). Ông đã xây dựng nên một nền tảng lý luận vững chắc cho kinh tế thị trường hỗn hợp - nơi thị trường và nhà nước không đối lập mà hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới một nền kinh tế hiệu quả, ổn định và công bằng.

Theo Samuelson, để điều hành một nền kinh tế mà không có nhà nước hoặc không có thị trường thì cũng như định võ tay bằng một bàn tay. Theo ông, đặc điểm kinh tế cơ bản cần nắm vững để giúp nền kinh tế tăng trưởng và phát triển lành mạnh là thị trường cần được kiểm soát thông qua sự chỉ huy vô hình của các quy luật kinh tế thị trường, còn nhà nước nên kiểm soát

thị trường bằng các mệnh lệnh điều tiết, các kích thích tài chính. Ông đã chỉ ra, lợi nhuận là động lực chi phối hoạt động của người kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường phải được hoạt động trong môi trường cạnh tranh do các quy luật khách quan chi phối, nhưng bản thân kinh tế thị trường đôi khi cũng thất bại, bất lực do những nguyên nhân như: tình trạng độc quyền; những tác động từ bên ngoài như: ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, chất thải và chất phóng xạ gây nguy hiểm; lạm phát và thất nghiệp; phân phối thu nhập không công bằng,... Do đó, theo ông, để khắc phục khuyết tật của kinh tế thị trường cần phải có bàn tay của nhà nước thông qua các công cụ chủ yếu như pháp luật, thuế, chi tiêu nhà nước và đó chính là vai trò kinh tế của Nhà nước.

Qua hơn 35 năm đổi mới, nước ta đã dần chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vai trò quản lý của nhà nước có những bước chuyển biến lớn trong điều kiện kinh tế thị trường, thể hiện ở những điểm sau:

Một là, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế thị trường. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tư cách một nhiệm vụ chiến lược quan trọng trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xuất phát từ định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu

* GV. Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể.

độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhằm xây dựng một chế độ xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để xây dựng được một chế độ xã hội có tính mục tiêu như vậy thì công cụ, phương tiện cơ bản chỉ có thể là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, các nguồn lực do Nhà nước quản lý được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp cơ chế thị trường.

Chính phủ có thể thông qua hệ thống luật pháp và thông qua sự lựa chọn của mình để tác động đến sản xuất. Đồng thời, thông qua thuế và các khoản chuyển nhượng để tác động đến khâu phân phối, từ đó tác động đến việc phân bổ các nguồn lực của nền kinh tế. Kinh nghiệm của Việt Nam trong những năm qua cho thấy để phân bổ nguồn vốn hiệu quả thì khâu đột phá là giải quyết mối quan hệ Nhà nước và thị trường. Cho dù sự phân bổ các nguồn lực thuộc về Nhà nước thì cũng phải tôn trọng các nguyên tắc của thị trường. Với chủ trương phát triển đồng bộ và vững chắc thị trường tài chính, Nhà nước đã sử dụng nhiều biện pháp tăng cường quản lý thị trường vốn, đảm bảo thị trường này vận hành thông suốt, công khai và hiệu quả; nâng cao tính thanh khoản và tạo được những thay đổi căn bản về thể chế, cấu trúc thị trường để tạo dựng nền tảng tài chính vững mạnh, đảm đương được vai trò phân bổ nguồn lực xã hội hiệu quả, đồng thời đảm bảo ổn định tài chính để phát triển bền vững.

Ba là, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

Vai trò kinh tế của nhà nước là hướng tới mục tiêu chung, làm cho dân giàu, nước mạnh, tăng trưởng ổn định và công bằng xã hội. Sự định hướng nền kinh tế của nhà nước được thực hiện thông qua việc nhà nước xây dựng quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Mặt khác, nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi như: hệ thống luật pháp đồng bộ, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế; hệ thống các văn bản hướng dẫn, các định chế, các chính sách phát triển kinh tế,... để các chủ thể kinh tế giảm thiểu rủi ro, tranh chấp. Nhà nước đã xây dựng hệ thống pháp lý để chống lại gian lận bao gồm: hệ thống có liên quan tới những quyền sở hữu, những điều luật về phá sản và khả năng thanh toán, hệ thống tài chính với ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại để giữ cho việc cung cấp tiền mặt được thực hiện một cách nghiêm ngặt. Đồng thời, Nhà nước sử dụng công cụ chiến lược, kế hoạch, luật pháp và chính sách làm căn cứ cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, đánh giá đối với nền kinh tế để điều tiết các hành vi ứng xử của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, Nhà nước sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, cơ chế, chính sách để định hướng, điều tiết nền kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bên cạnh sự phát triển tất yếu của xã hội, xuất hiện sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng. Do vậy, nhà nước cần phải có những biện pháp phân phối lại của cải xã hội nhằm hạn chế sự phân hóa này, làm lành mạnh xã hội. Nhà nước thực hiện phân phối thu nhập quốc dân một cách công bằng, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống Nhân dân,

với tiên bộ và công bằng xã hội. Điều này thể hiện rõ rệt nhất tính định hướng xã hội của nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Về vấn đề thu nhập, Nhà nước sử dụng hai biện pháp là: Điều tiết tăng thu nhập được thực hiện thông qua trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; chính sách đối với người già, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật; điều tiết giảm thu nhập được thực hiện thông qua công cụ thuế: như thuế thu nhập cá nhân; thuế thu nhập doanh nghiệp; mặt hàng xa xỉ, cao cấp việc tăng thuế sẽ góp phần phân phối lại một bộ phận thu nhập trong xã hội.

Về vấn đề an sinh xã hội, Nhà nước có vai trò quyết định trong việc nâng cao phúc lợi công cộng, xoá đói, giảm nghèo. Các vấn đề như việc làm, sức khỏe, bảo hiểm y tế, lương hưu, trợ cấp khó khăn,... luôn là những vấn đề rất cần đến sự quan tâm của Nhà nước.

Bên cạnh những vai trò tích cực nêu trên, trong thực tế, vẫn còn có hiện tượng người lao động ở không ít ngành, nghề lao động giản đơn lại có thu nhập cao hơn nhiều lần so với lao động phức tạp; nhiều người ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo chưa được hưởng phúc lợi xã hội như ở các trung tâm, các thành phố lớn. Chính sách tiền lương chưa vận hành theo cơ chế thị trường mà do Nhà nước quy định, bị ràng buộc với nhiều chính sách xã hội khác và bị phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Việc điều chỉnh lương tối thiểu vẫn bị coi là gánh nặng của ngân sách nhà nước. Việc thu thuế thu nhập cá nhân còn bỏ sót nhiều đối tượng, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, chưa đảm bảo công bằng cho những người phải nộp thuế. Chính sách trợ cấp xã hội, phân phối lại thu nhập của Chính phủ trong thời gian qua còn bất cập. Trong quá trình hoạt động, lực lượng quản lý thị trường vẫn gặp

nhiều khó khăn do phương thức, thủ đoạn của các đối tượng ngày càng tinh vi và phức tạp. Tình trạng nhân danh lợi ích xã hội để vi phạm vẫn tồn tại và tiềm ẩn nhiều vấn đề cần giải quyết. Biểu hiện là tình trạng tham ô, tham nhũng, hoạt động của các “nhóm lợi ích” tiêu cực; các hành vi xây dựng trái phép trong các thành phố lớn và các khu đô thị,... làm cho lợi ích xã hội bị tổn thất lớn.

Dựa vào thực trạng nêu trên, để nâng cao vai trò của Nhà nước trong điều tiết đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực, cần chú ý một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, định hướng, tạo môi trường, kiểm soát và điều tiết sự phát triển của nền kinh tế.

Sự định hướng nền kinh tế được thực hiện qua việc Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Qua đó, Nhà nước đầu tư, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng kết cấu hạ tầng (giao thông vận tải, điện, nước, công nghệ thông tin, truyền thông và các dịch vụ khác,...) nhằm tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh thuận lợi, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả.

Nhà nước luôn luôn xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, để luật của nước ta được đồng bộ, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế. Nhà nước phải tiếp tục đổi mới hệ thống các văn bản, các định chế tài chính, các chính sách phát triển kinh tế,... để các chủ thể kinh tế giảm thiểu rủi ro, cạnh tranh lành mạnh, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, chống gian lận thương mại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và mang lại hiệu quả kinh tế. Đồng thời các chiến lược, kế hoạch và hệ thống luật pháp, chính sách là căn cứ cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối

với các chủ thể kinh tế, để nền kinh tế thị trường phát triển ổn định và bền vững.

Thứ hai, phân bổ các nguồn lực quốc gia và phân phối lại thu nhập.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực, giải phóng sức sản xuất. Với đặc trưng của kinh tế thị trường, các chủ thể kinh tế được tự chủ sản xuất kinh doanh và hướng đến mục tiêu là tỷ suất lợi nhuận cao nhất có thể, nên dẫn đến sự cạnh tranh giành giật lợi thế trong việc khai thác các nguồn lực quốc gia. Mặt khác, sự cạnh tranh vô chính phủ cũng gây bất ổn trong nền kinh tế. Cho nên, Nhà nước phải phân bổ các nguồn lực theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, dưới tác động của quy luật giá trị sẽ có sự phân hóa giàu - nghèo. Những chủ thể sản xuất hàng hóa có mức hao phí lao động cá biệt thấp hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết thì có thể thắng thế trong cạnh tranh, họ sẽ giàu lên. Ngược lại, những chủ thể sản xuất hàng hóa có mức hao phí lao động cá biệt lớn hơn mức hao phí lao động xã hội cần thiết, sẽ rơi vào tình trạng thua lỗ, trở thành người nghèo. Sự phân hóa này, nếu không có sự điều tiết hợp lý sẽ dẫn đến sự phân hóa xã hội thành những nhóm người đối lập nhau. Vì vậy, Nhà nước cần điều tiết phân phối thu nhập nhằm nâng cao đời sống Nhân dân, đi đôi với xóa đói giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ ba, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường để đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế.

Nước ta quyết tâm thực hiện kinh tế thị trường, song không chấp nhận phát triển kinh tế thị trường bằng mọi giá, mà sự phát triển kinh tế đó còn phải hướng tới giải quyết các vấn đề xã hội. Việc giải quyết các vấn đề xã hội phản ánh bản chất của một chế độ của con người, do con người và vì con người, mục tiêu phục vụ con người, nâng cao chất lượng sống của con người cả về vật chất và tinh thần - một thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội là một trong những yếu tố nhằm thúc đẩy phát triển đất nước.

Mặt khác, do động cơ của chủ thể kinh tế là lợi nhuận, nên họ ít quan tâm giải quyết các vấn đề thiên tai, ô nhiễm môi trường,... Thậm chí vì chạy theo lợi nhuận, họ còn là tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Cho nên, việc thực hiện tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giải quyết các lợi ích hài hòa: cá nhân - tập thể - xã hội cần sự điều tiết của Nhà nước, đảm bảo sự ổn định xã hội, thúc đẩy phát triển bền vững nền kinh tế.

Từ lý thuyết của Samuelson và thực tiễn tại Việt Nam, có thể thấy rằng, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện vai trò của mình trong việc điều tiết kinh tế, khuyến khích sự phát triển của khu vực tư nhân, đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc vận dụng linh hoạt và sáng tạo lý thuyết của Samuelson sẽ giúp Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững và hướng tới một nền kinh tế hiện đại, hiệu quả và công bằng. ■

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN KHOA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG VIỆC TUYÊN TRUYỀN VỀ CUỘC CÁCH MẠNG TINH GỌN, SẮP XẾP BỘ MÁY Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

❖ CN. Trần Thị Huyền Trang*

Tóm tắt: Xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu quả và minh bạch; giảm thiểu tối đa lãng phí nguồn lực, kiên quyết tinh gọn chức năng chồng chéo; đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế là những mục tiêu cơ bản, xuyên suốt của cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị.

Từ khóa: Sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị; Trường Chính trị.

1. Cơ sở của cuộc cách mạng tinh gọn, sắp xếp bộ máy ở nước ta hiện nay

Trong bài viết “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” trên Tạp chí Cộng sản điện tử đăng ngày 05/11/2024, GS, TS Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã tập trung nhấn mạnh vấn đề tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và gọi đây là một cuộc cách mạng. Tinh gọn bộ máy nhà nước có thể hiểu là quá trình cải cách nhằm giảm thiểu quy mô, số lượng các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống chính trị nước ta từ trung ương đến cơ sở đang khẩn trương tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan đi đôi với tinh giản biên chế theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu

quả”. Trong đó, “việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy không chỉ ở khía cạnh nhập bộ, ngành, cơ quan, đơn vị này với bộ, ngành, cơ quan, đơn vị kia mà còn ở các bộ, ngành, địa phương phải tinh gọn bên trong tổ chức của mình, theo yêu cầu tối thiểu phải tinh gọn bên trong 15-20%, cá biệt có những đơn vị đặt ra yêu cầu tinh gọn tới 40%.

Qua 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chúng ta đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nhận thức và hành động của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, quyết tâm chưa cao, hành động chưa quyết liệt, việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, tổng thể, chưa gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại,... một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin-cho, dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,... Chính vì vậy, cho đến nay tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng,...

* GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật.

2. Kết quả của việc tinh gọn, sắp xếp bộ máy ở tỉnh Ninh Thuận

Đến nay, tỉnh Ninh Thuận đã sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc, đã giảm 84 phòng, ban; 210 lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; giảm 6 đơn vị hành chính trực thuộc sở, ngành, 42 phòng, đội, trạm, tổ và tương đương trực thuộc và 18 lãnh đạo phòng các đơn vị trực thuộc sở, ngành cấp tỉnh; giảm 12 phòng chuyên môn, 36 lãnh đạo phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đồng thời, tỉnh giảm 525 biên chế biên chế cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 19,92%; giảm 2.258 biên chế viên chức, đạt tỷ lệ hơn 17%.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết giảm và không thành lập mới các tổ chức trung gian; giải thể hoặc sắp xếp lại các tổ chức hoạt động không hiệu quả, đến nay, hầu hết các nhiệm vụ, giải pháp đề ra được triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, đó là tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn nhiều đầu mối; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác ở một số cơ quan, đơn vị còn có nội dung chồng chéo; một số nhiệm vụ liên thông, gắn kết nhau hoặc cùng một lĩnh vực nhưng giao cho nhiều ngành quản lý. Vẫn còn thực trạng bộ phận đơn vị sự nghiệp nhưng hoạt động theo chức năng quản lý hành chính nhà nước trong các cơ quan hành chính, cho nên có những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước của đơn vị và trong công tác rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, bố trí biên chế công chức, viên chức của các đơn vị. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư chưa đạt

10% theo mục tiêu đề ra...

3. Vai trò của giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong cuộc cách mạng tinh gọn, sắp xếp bộ máy Nhà nước

Đội ngũ giảng viên ở trường chính trị càng đặc biệt quan trọng, giữ vai trò nòng cốt, hạt nhân quyết định trực tiếp đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở. Bởi vì, trường chính trị tỉnh, thành phố là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các địa phương. Giảng viên trường chính trị là một những lực lượng trực tiếp kế tục sự nghiệp nghiên cứu và truyền bá lý luận của những nhà mác-xít chân chính trong công cuộc giác ngộ lý tưởng cách mạng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Họ là những người được đào tạo bài bản chính quy về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là những người nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ này thông qua nhiệm vụ của mình truyền thụ kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần đưa chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của học viên là những cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Khoa Nhà nước và Pháp luật Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận hiện nay gồm 8 giảng viên (trong đó có giảng viên kiêm nhiệm). Khoa đảm nhận 04 học phần là học phần C.II (Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật), D.I (Quản lý nhà nước), D.II (Kỹ năng lãnh đạo, quản lý) và E.III (Kiến thức bổ trợ) trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị và giảng dạy Chương trình Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính.

Với vai trò là khoa chuyên môn trực tiếp giảng dạy, trao đổi các chuyên đề liên quan đến Nhà nước và pháp luật, đội ngũ giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật cần phát huy tối đa vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, phổ biến các đường lối, chủ trương của

đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cuộc cách mạng tinh gọn, sắp xếp bộ máy nhà nước trong hệ thống chính trị.

Trước hết, bản thân mỗi giảng viên phải có nhận thức đúng đắn về chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị; kịp thời cập nhật, bổ sung các điểm mới của chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để lồng ghép vào nội dung bài giảng. Qua đó tuyên truyền, phổ biến đến mọi đối tượng học viên trường về những đổi mới, về kết quả của cuộc sắp xếp tinh gọn bộ máy cơ quan nhà nước ở tỉnh ta trong thời gian vừa qua. Các chuyên đề Khoa Nhà nước và Pháp luật đảm nhận ở học phần C.II, D.I chương trình Trung cấp lý luận chính trị đặc biệt là bài Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và Chính quyền địa phương ở Việt Nam trực tiếp gắn liền với xây dựng, sắp xếp lại bộ máy nhà nước hiện nay. Học phần C.II Những nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật có 04 bài và liên quan trực tiếp đến bối cảnh tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị hiện nay. Trong bài 2 Chính quyền địa phương ở Việt Nam, giảng viên cần phải cập nhật, đưa ra những thông tin, văn bản quy phạm pháp luật một cách chính xác, nhanh chóng đến học viên như các văn bản quy phạm pháp luật, số liệu chính quyền địa phương sau khi sáp nhập và tổ chức mô hình chính quyền địa phương sau khi bỏ cấp huyện, sáp nhập các tỉnh,... Qua đó, giảng viên cũng phần nào chia sẻ, khích lệ tinh thần học tập của cán bộ, công chức, viên chức những người trực tiếp chịu tác động của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy cũng như phần nào làm tốt công tác tư tưởng, chấn chỉnh những quan điểm chưa đúng đắn của chính những học viên đang theo học tại các lớp lý luận chính trị; góp phần ngăn ngừa, đẩy lùi những tư tưởng, quan điểm lệch lạc hoặc hoang mang dao động của học viên.

Thứ hai, giảng viên phải thường xuyên chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tích cực học tập, nghiên cứu lý luận và

thực tiễn để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như rèn luyện, nâng cao kỹ năng, phương pháp sư phạm, khả năng nghiên cứu khoa học. Bởi vì, nghiên cứu khoa học, cũng là một trong những phương pháp giúp giảng viên thực hiện nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin “gắn lý luận với thực tiễn”. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là việc làm cần thiết để những bài giảng của đội ngũ giảng viên sát với thực tế địa phương, góp phần làm cho bài giảng lý luận chính trị có sức thuyết phục và có giá trị.

Thứ ba, khoa Nhà nước và Pháp luật nên đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thực tế ở cơ sở, đặc biệt là những nơi trực tiếp áp dụng việc tinh gọn, sắp xếp bộ máy để giảng viên có cơ hội tiếp cận và nắm bắt tình hình thực tế về thực trạng tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, về những thay đổi, cải cách sau khi tinh gọn, sáp nhập. Từ đó có được những kinh nghiệm trong xử lý các tình huống thực tiễn, vận dụng vào hoạt động giảng dạy và tuyên truyền.

Ngoài ra, giảng viên cần tuyên truyền, phổ biến những đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật mới đến khu phố, đến nơi cư trú mình đang sinh hoạt đảng, đến gia đình, bạn bè để góp phần nào đưa những thông tin mới nhất, đúng đắn nhất để kịp thời nắm bắt, tránh những thông tin sai lệch, xuyên tạc, những luận điệu chống phá của thế lực thù địch.

Để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, việc tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là một trong số nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện thật tốt. Chính vì vậy, giảng viên của trường chính trị cần chủ động, gương mẫu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức cho học viên về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18 của Đảng ta, quyết tâm thực hiện thành công cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Việt Nam. ■

TỰ HÀO 50 NĂM NINH THUẬN VƯỜN MÌNH MẠNH MẼ

❖ ThS. Vũ Thị Lý*

Tóm tắt: *Ninh Thuận - mảnh đất anh hùng, nơi ghi dấu những chiến công oanh liệt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hôm nay đang vươn mình mạnh mẽ trên con đường xây dựng và phát triển toàn diện.*

Từ khóa: *Ninh Thuận, Tự hào; Vườn mình mạnh mẽ.*

Chiến thắng lịch sử 30/4/1975 là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, kết thúc cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho đất nước, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta, đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngày 16/4/1975 - ngày giải phóng Ninh Thuận đã khẳng định sự đoàn kết một lòng, vượt qua mọi hy sinh, gian khổ của quân và dân Ninh Thuận, từng bước đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai. Thắng lợi vĩ đại của Nhân dân Ninh Thuận và của cả dân tộc là do có Đảng, có Bác Hồ dẫn đường, chỉ lối, bắt luận trong hoàn cảnh nào cũng luôn kiên định với mục tiêu giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

Ninh Thuận là một trong những địa phương có vị trí chiến lược quan trọng chính vì vậy ngày 25/12/1945 và 25/01/1946, theo đường biển thực dân Pháp cho tàu chiến bắn phá Cà Ná, Sơn Hải và Ninh Chữ, Nhân dân Ninh Thuận chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược. Qua 09 năm kháng chiến gian khổ nhưng vô cùng hào hùng, Nhân dân Ninh Thuận đã góp phần cùng quân dân cả nước đánh bại cuộc chiến

tranh xâm lược của thực dân Pháp. Thắng lợi này đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ tỉnh trên cơ sở tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với Nhân dân Ninh Thuận, củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đồng thời, thắng lợi đã thể hiện truyền thống yêu quê hương đất nước, ý chí căm thù giặc, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do của quê hương đất nước, tinh thần đoàn kết không phân biệt tôn giáo, dân tộc, đảng phái tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng tạo nên sức mạnh to lớn nhằm đấu tranh giành độc lập tự do của Nhân dân Ninh Thuận.

Sau hiệp định Giơnevơ (1954), Mỹ - Diệm tìm cách phá hoại Hiệp định, đàn áp các phong trào đấu tranh của Nhân dân Ninh Thuận. Với thắng lợi ngày 16/4/1975, Nhân dân Ninh Thuận đã thoát khỏi ách nô dịch của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn quê hương góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Từ đây, tỉnh Ninh Thuận bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất cùng cả nước tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Đây là thắng lợi vĩ đại nhất, vẻ vang nhất trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quê hương Ninh Thuận. Với thắng lợi này, năm 2003, quân dân Ninh Thuận được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân. Ngày 16/4/1975 trở thành ngày truyền thống của Đảng bộ và quân dân Ninh Thuận.

Ngay sau khi được giải phóng, Ninh Thuận bước vào giai đoạn mới với nhiều thử thách. Do trải qua những năm tháng chiến tranh, bị tàn phá nặng nề, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, nhưng hầu hết đất đai khô cằn, đầy hố bom lại thiếu kênh mương thủy lợi,

* Trưởng Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể.

trình độ thâm canh thấp kém, năng suất thấp; công nghiệp hầu như chưa có gì, thương nghiệp dịch vụ manh mún; trình độ dân trí thấp; bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể mới thành lập chưa ổn định, tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên chỉ có ở 31/54 xã, phường. Đời sống quần chúng còn khó khăn, nạn thất nghiệp, nghèo đói trở thành vấn đề nghiêm trọng ở địa phương. Đến năm 1985, tỉnh đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực sản xuất, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp và ngư nghiệp. Các lĩnh vực sản xuất phát triển, đặc biệt đã đáp ứng nhu cầu lương thực thực phẩm cho địa phương và bước đầu có dự trữ. Một số cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết được xây dựng. Vấn đề Fulro và tàn dư nguy quân, nguy quyền được giải quyết cơ bản. Công tác xây dựng, củng cố Đảng bộ và chính quyền, quyền làm chủ của Nhân dân có những bước tiến bộ⁽¹⁾.

Trải qua 50 năm xây dựng, phát triển và khát vọng vươn lên, Ninh Thuận hôm nay đã đạt nhiều thành tựu rất quan trọng, bước đầu giành thắng lợi trong công cuộc đổi mới. Diện mạo của của Ninh Thuận có sự chuyển biến đáng kể, từng bước góp phần vào sự phát công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Nhìn lại những ngày đầu tỉnh mới tái lập (năm 1992), Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức của một tỉnh mới tái lập: Xuất phát điểm nền kinh tế thấp, chậm phát triển; cơ cấu kinh tế lạc hậu; hệ thống kết cấu hạ tầng yếu kém; thu nhập bình quân đầu người và thu ngân sách thấp. Trước những vấn đề thực tiễn đặt ra, kế thừa, phát huy truyền thống cách mạng, ngay từ những ngày đầu tái lập tỉnh, Đảng bộ tỉnh đã thể hiện quyết tâm chính trị cao, xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng

tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, đúng đắn của Tỉnh ủy, sự quan tâm hỗ trợ hiệu quả của Trung ương và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội, đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, khá toàn diện, đem đến sức sống mới cho nhân dân Ninh Thuận.

Ninh Thuận từ một trong số những tỉnh nghèo nhất cả nước, sau 30 năm tái lập tỉnh, kinh tế của tỉnh đã có sự thay đổi mạnh mẽ, phát triển vượt bậc, tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP theo giá hiện hành) năm 2021 tăng gấp 69,6 lần năm 1992, tốc độ tăng trưởng bình quân 8,14%/năm, cao hơn tốc độ tăng bình quân của cả nước sau 30 năm đổi mới 7%, vùng miền Trung 8,05%⁽²⁾. Trong 4 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025, tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 9,28%/năm, cao hơn mức tăng trưởng bình quân cả nước và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2023 tăng 9,40%, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố cả nước và xếp thứ 2/14 các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung⁽³⁾; GRDP bình quân đầu người đạt 87,7 triệu đồng, năm 2024 năm tăng trưởng GRDP đạt 8,74%, đứng thứ 4/14 tỉnh khu vực và 16/63 tỉnh, thành phố; GRDP bình quân đầu người đạt 98,2 triệu đồng/người/năm, đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP phấn đấu năm 2025 đạt khoảng 13,5%⁽⁴⁾.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch

(1) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930 - 1975) giấy phép xuất bản số 16/QLXB do sở VHNT Ninh Thuận cấp ngày 7/6/1995.

(2) Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 30 năm ngày tái lập tỉnh (01/4/1992-01/4/2022) gắn với 47 năm ngày giải phóng Ninh Thuận (16/4/1975-16/4/2022) và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2022).

(3) Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội tỉnh Ninh Thuận giữa nhiệm kỳ đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV.

(4) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận thông qua ngày 10/12/2024.

vụ, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 27,8%, công nghiệp - xây dựng chiếm 39,6%, dịch vụ chiếm 32,6%. Ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển ổn định, khá toàn diện, là bộ đỡ của nền kinh tế khi gặp khó khăn, nhất là trong giai đoạn dịch COVID-19 bùng phát. Giá trị sản xuất toàn ngành, đạt 13.576,5 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,12%/năm, giá trị tăng thêm đạt 5,3%/năm, vượt mục tiêu đề ra (3-4%/năm). Năm 2024 Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nâng tỷ trọng công nghiệp từ 34,1% của năm 2020 lên 41,7% năm 2024; thu ngân sách đạt 4.950 tỷ đồng, vượt 23,7% kế hoạch đề ra. Chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai tích cực, có bước phát triển mạnh mẽ. Các khâu đột phá chiến lược được chú trọng, tập trung thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ, thống nhất mang lại hiệu quả rõ rệt; Chủ trương phát triển kinh tế biển, trung tâm năng lượng tái tạo và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được chú trọng và đạt kết quả tích cực, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư chiến lược, huy động được nhiều nguồn vốn xã hội cho đầu tư phát triển, kinh tế biển dần trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁽⁵⁾. Ninh Thuận đã lựa chọn hướng phát triển mới, có thể biến những bất lợi của phát triển theo phương thức truyền thống thành lợi thế phát triển hiện đại: “Nắng to, gió lớn, đất khô cằn - những thứ đã khiến Ninh Thuận trong suốt nhiều thế kỷ là một vùng đất nghèo khó, đến mức tưởng như là cạn kiệt sinh lực phát triển, thì nay trở thành nguồn lực phát triển hiện đại mạnh mẽ hiếm thấy. Biến toàn bộ khung cảnh hoang sơ và khốc liệt của “cát, đá, nắng cháy và

biển xanh” trở thành tài nguyên du lịch hạng nhất. Thành tựu mà Ninh Thuận đạt được trong những năm qua là phi thường”⁽⁶⁾. Mục tiêu đến năm 2025, Ninh Thuận trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước; là một trong những trung tâm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Đến năm 2030, trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao. Đến năm 2050, Ninh Thuận sẽ trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng, phát triển đạt mức cao so với các địa phương khác trong cả nước, là một tỉnh xanh và có môi trường sống tốt, phát triển bền vững.

Cùng với thành tựu về kinh tế, chính sách chăm lo phát triển con người vẫn luôn được tỉnh đặc biệt quan tâm với quan điểm “người dân vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu của sự phát triển”. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trung bình của cả nước; văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm nguồn lực đầu tư; văn hóa các dân tộc được bảo tồn, phát huy. Các chính sách cho người có công, chính sách an sinh ngày càng được hoàn thiện, được thực hiện tốt, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, với những người yếu thế, những người bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh,... đến nay, trên 99,5% hộ người có công có mức sống trung bình. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2021 giảm từ 7,82% xuống còn 4,43%. Đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao; GRDP bình quân đầu người tăng trưởng khá, năm 2023 đạt 87,7 triệu đồng/người, gấp 1,5 lần so với năm 2020, cao hơn mức GRDP bình quân đầu người của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, xếp thứ 3/14 tỉnh

(5) Báo cáo số 1285-BC/BCSD của Ban cán sự Đảng ngày 25/12/2024 Tổng hợp kết quả Hội thảo “Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035, trọng tâm thúc đẩy kinh tế biển và kinh tế đô thị trở thành động lực phát triển”.

(6) Theo PGS-TS. Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam.

(Xem tiếp trang 55)

XÂY DỰNG CÔNG DÂN SỐ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 57 NGÀY 22/12/2024 VỀ “ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA” CỦA BỘ CHÍNH TRỊ Ở TỈNH NINH THUẬN

❖ CN. Thái Lê Minh Trang*

Tóm tắt: Để xây dựng và thực hiện thành mô hình công chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57 ngày 22/12/2024 về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” của Bộ Chính trị thì con người vẫn luôn là nhân tố quan trọng và quyết định nhất. Qua đó, tác giả bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm xây dựng công dân số trong thời kỳ đổi mới tại tỉnh Ninh Thuận hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số; Công dân số; Nghị quyết 57; Tỉnh Ninh Thuận.

Nghị quyết số 57 ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” ra đời trong bối cảnh đất nước chuẩn bị cho một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đã khẳng định một lần nữa chuyển đổi số là động lực quan trọng để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Trong đó, xây dựng công dân số - những cá nhân có năng lực sử dụng công nghệ số, tham gia tích cực vào nền kinh tế số và xã hội số - là một nhiệm vụ cốt lõi. Với tỉnh Ninh Thuận, một địa phương đang nỗ lực chuyển mình nhờ các lợi thế về năng lượng tái tạo, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao, việc triển khai các giải pháp xây dựng công dân số theo tinh thần Nghị

quyết số 57 không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là chìa khóa để tạo bước đột phá trong phát triển.

Theo cảm nang “Chuyển đổi số” do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng định nghĩa: Công dân số là người dân được trang bị đầy đủ năng lực số để sống giữa môi trường được số hóa toàn diện. Trong thời đại cách mạng 4.0, nơi mà các tri thức, ý tưởng và công nghệ mới luôn xuất hiện, vì vậy, việc tiếp cận với công nghệ thông tin, thiết bị điện tử, mạng xã hội dần trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của người dân hiện nay. Bởi nhờ có công nghệ thông tin mà công dân được tiếp cận với nguồn tri thức và thông tin khổng lồ giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả. Bên cạnh đó, với khả năng sử dụng công nghệ của những công dân đang ở độ tuổi lao động có thể tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, nâng cao hiệu suất và hiệu quả công việc góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Họ còn là lực lượng tham gia xây dựng xã hội văn minh, hiện đại. Chẳng hạn, sử dụng mạng xã hội để đóng góp ý kiến, tham gia các phong trào xã hội, phản bác những thông tin tiêu cực. Năm bắt được tiềm năng và cơ hội đó, thời gian qua Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách để xây dựng lộ trình tạo môi trường thuận lợi nhằm nâng cao

* GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật.

khả năng sử dụng công nghệ của người dân vì Nhà nước xác định rằng “Người dân là trung tâm của chuyển đổi số quốc gia”⁽¹⁾. Và gần đây, để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị được ban hành với tinh thần quyết liệt hơn bao giờ hết nhằm thúc đẩy lộ trình xây dựng một xã hội số nhanh và bền vững hơn.

Bám sát quan điểm chỉ đạo, định hướng, mục tiêu của Trung ương, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngày 24/01/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2025. Trong đó, xác định nhiều nội dung quan trọng như phát triển hạ tầng số, phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Để đạt được những tiêu chí trên góp phần xây dựng thành công chuyển đổi số, tỉnh Ninh Thuận chỉ ra rằng điều kiện tiên quyết là phải bắt đầu từ nền tảng công dân số.

Thời gian qua, Ninh Thuận đã chuẩn bị những bước tiến chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số như triển khai chính quyền điện tử, mở rộng hạ tầng viễn thông tạo điều kiện cho người dân trong việc tiếp cận công nghệ. Sau hơn 02 năm thực hiện Đề án 06 (2022 - 2025), tỉnh đã hoàn thiện hạ tầng viễn thông với mạng 3G và 4G phủ sóng 100% các thôn, đồng thời thí điểm 75 trạm 5G tại các khu vực trọng điểm. Theo thống kê của Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận (2024), tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh đạt 87,5%, trong khi 81,7% hộ gia đình được tiếp cận cáp quang băng rộng cố định, vượt mức trung bình quốc gia và xếp thứ 15 toàn quốc. Bên cạnh đó, ngày 31/01/2024, Ủy

ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng công dân số Ninh Thuận nhằm cung cấp nền tảng phục vụ cho công tác chuyển đổi số của tỉnh, kết nối giữa Nhà nước với người dân và doanh nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế số và xã hội số. Những tiến bộ này cho thấy Ninh Thuận đang xây dựng nề tảng quan trọng để phát triển công dân số, phù hợp với mục tiêu nâng cao năng lực số toàn dân theo Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng công dân số tại Ninh Thuận vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt liên quan đến kỹ năng số của người dân và hạ tầng công nghệ. Theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận (2024) chỉ ra rằng kỹ năng sử dụng công nghệ số của người dân, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và miền núi như huyện Bác Ái, vẫn ở mức thấp. Tại đây, tỷ lệ người dân biết đọc và viết tiếng Việt chỉ đạt khoảng 60%, trong khi tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh dưới 50%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình toàn tỉnh. Điều này xuất phát từ trình độ dân trí không đồng đều, điều kiện kinh tế khó khăn, và thói quen ưu tiên giao dịch trực tiếp tại cơ quan hành chính thay vì sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, hạ tầng số tại các xã miền núi chưa đáp ứng nhu cầu, với dung lượng băng thông trung bình chỉ đạt 10 Mbps, thấp hơn ngưỡng tối thiểu 20 Mbps cần thiết cho các dịch vụ công trực tuyến hiệu quả (theo tiêu chuẩn ITU, 2023). Những hạn chế này cho thấy Ninh Thuận cần đầu tư đồng bộ vào giáo dục số và nâng cấp hạ tầng để đảm bảo công dân số phát triển.

Từ những hạn chế nêu trên, để hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết 57

(1) Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, tỉnh Ninh Thuận cần triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan của công tác chuyển đổi số hiện nay. Cần tổ chức các chương trình tuyên truyền về chuyển đổi số và vai trò của công dân số qua các kênh như truyền hình, mạng xã hội, các buổi hội thảo tại địa phương. Qua đó, tăng khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin góp phần phát triển kỹ năng số cho người dân.

Hai là, đối với đồng bào dân tộc miền núi không có điện thoại thông minh có thể dẫn đến việc tham gia chuyển đổi số sẽ rất khó khăn. Vì vậy, cần có những chính sách hỗ trợ dài hạn như trợ giá điện thoại thông minh cơ bản và gói cước dữ liệu cho các khu vực khó khăn để giúp người dân có thể tiếp cận công nghệ với chi phí thấp hoặc địa phương có thể lắp đặt các điểm truy cập công nghệ trụ sở tiếp dân để người dân có thể đến sử dụng dưới sự hướng dẫn của cán bộ, công chức.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số toàn tỉnh. Đặc biệt, đầu tư xây dựng và hoàn thiện mạng lưới internet phủ sóng đến các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa trong tỉnh tạo điều kiện cho toàn bộ người dân được tiếp cận với nền tảng số.

Năm là, phát huy vai trò lãnh đạo của chính quyền địa phương. Cần xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài và xuyên suốt để từ đó xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xây dựng chính sách khuyến khích như hỗ trợ tài chính, tổ chức

tham gia đào tạo và ứng dụng công nghệ số đến với người dân.

Sáu là, để xây dựng thành công mô hình chuyển đổi số, không chỉ là nhiệm vụ của mỗi Nhà nước mà còn cần có sự tham gia tích cực của mỗi người dân. Người dân cần nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ số, chủ động tìm hiểu những khái niệm cơ bản như dịch vụ công trực tuyến, đồng thời người dân cần rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ trong đời sống hàng ngày. Điều này bao gồm việc làm quen với các công cụ số cơ bản như điện thoại thông minh, máy tính, và các ứng dụng phổ biến khác. Để trở thành công dân số, mỗi người cần vượt qua tâm lý sợ hãi công nghệ, thực hành thường xuyên để nâng cao sự tự tin và hiệu quả khi tham gia các hoạt động số.

Xây dựng công dân số theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW là con đường tất yếu để Ninh Thuận tận dụng cơ hội từ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học công nghệ. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân, tỉnh có thể tạo ra một thể hệ công dân số năng động, sáng tạo, góp phần đưa Ninh Thuận trở thành một trong những địa phương tiên phong trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Đây không chỉ là nhiệm vụ chiến lược mà còn là nền tảng để tỉnh phát triển bền vững trong tương lai. Mặc dù còn nhiều thách thức phía trước, tỉnh Ninh Thuận quyết tâm xây dựng hoàn thiện xã hội số nơi mà mọi người dân đều được tiếp cận dễ dàng với công nghệ theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm “Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau”. ■

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VIỆC TÌNH GỌN BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NINH THUẬN HIỆN NAY

❖ CN. Nguyễn Thị Ngà*

Tóm tắt: *Tinh gọn bộ máy chính trị là một trong những yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt trong bối cảnh cải cách hành chính và tinh giản biên chế ở Việt Nam. Bài viết nghiên cứu một số cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị ở Ninh Thuận hiện nay và đề xuất một số giải pháp để quá trình tinh gọn bộ máy chính trị ở tỉnh Ninh Thuận đạt hiệu quả.*

Từ khóa: *Bộ máy; Cơ sở; Hệ thống chính trị; Ninh Thuận; Tinh gọn.*

Tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị là quá trình tối ưu hóa tổ chức và hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Mục tiêu chính là giảm bớt sự chồng chéo, chồng chéo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Điều này bao gồm việc sắp xếp, sáp nhập các cơ quan có chức năng tương đồng, giảm đầu mối trung gian và tinh giản biên chế. Đồng thời, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cùng với việc phân cấp, phân quyền hợp lý giúp tăng cường tính chủ động, sáng tạo của các cấp, ngành. Tinh gọn bộ máy không chỉ tiết kiệm chi phí, nguồn lực mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Việc tinh gọn bộ máy nhà nước tại Ninh Thuận, nhìn từ góc độ triết học Mác-Lênin, đặc biệt là thông qua quy luật lượng - chất và quy luật phủ định của phủ định, không chỉ là một yêu cầu lý luận mà còn là một đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn địa phương.

Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại chỉ ra phương thức vận động của mọi sự vật hiện

tượng⁽¹⁾. Lượng, biểu thị số lượng, quy mô, trình độ, thay đổi dần dần theo thời gian. Khi lượng tích lũy đến một điểm nút, một bước nhảy sẽ diễn ra, chuyển hóa chất cũ thành chất mới. Chất, biểu thị sự khác biệt cơ bản, tính ổn định tương đối của sự vật, sẽ tác động ngược lại lượng, tạo nên một quá trình vận động và phát triển không ngừng. Quy luật này không chỉ giúp ta hiểu rõ quá trình biến đổi của thế giới mà còn là kim chỉ nam cho hoạt động nhận thức và thực tiễn, yêu cầu sự kết hợp hài hòa giữa tích lũy lượng và thực hiện bước nhảy chất lượng. Trong thực tiễn Ninh Thuận, Giai đoạn từ 1992 đến 2018: Trong khoảng thời gian này, bộ máy hành chính tại Ninh Thuận có sự phát triển và mở rộng đáng kể về số lượng phòng ban và đơn vị. Ban đầu, bộ máy hành chính thường có số lượng phòng ban khá ít, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như kế hoạch, tài chính, nông nghiệp, và y tế. Tuy nhiên, khi nhu cầu quản lý đa dạng hơn, các phòng ban mới được thành lập như phòng ban về môi trường, công thương, văn hóa thể thao, và đặc biệt là các đơn vị chuyên môn hóa về quản lý đất đai, xây dựng. Số lượng phòng ban tại các cơ quan tỉnh Ninh Thuận có thể dao động từ khoảng 15 đến 20 phòng ban. Các phòng ban này chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực quản lý tài chính, xây dựng, nông nghiệp, giáo dục, y tế, giao thông, và một số lĩnh vực chuyên môn khác.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là dù số lượng tăng, nhưng hiệu quả làm việc không được cải thiện đồng đều, khi mà nhiều phòng ban trở nên quá tải và có sự chồng chéo trong chức năng, có thể thấy rõ sự tích tụ về lượng

* GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật.

(1) Giáo trình Trung cấp Lý luận Chính trị phần Nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2021, tr.82.

trong bộ máy hành chính qua nhiều năm. Số lượng các đơn vị, phòng ban và cán bộ, công chức đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, sự gia tăng này không đi kèm với sự tương ứng về chất lượng và hiệu quả hoạt động. Điều này thể hiện qua sự chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính, sự chồng chéo chức năng giữa các đơn vị, và sự lãng phí nguồn lực. Một ví dụ điển hình là trong việc cấp giấy phép xây dựng hoặc các thủ tục liên quan đến đất đai. Dù số lượng cán bộ và phòng ban liên quan đến công tác này tăng lên trong những năm qua, nhưng thực tế, thời gian xử lý hồ sơ vẫn kéo dài và không đúng hạn. Điều này có thể do các đơn vị không phối hợp tốt với nhau, thiếu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm, dẫn đến tình trạng hồ sơ phải chuyển qua nhiều phòng ban khác nhau hoặc chờ đợi các văn bản, phê duyệt từ các cấp trên, một số khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai kéo dài, có hiện tượng khiếu nại vượt cấp. Do đó nhìn dưới góc độ quy luật lượng - chất, việc tinh gọn bộ máy là quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng sang sự thay đổi về chất. Cụ thể, việc giảm bớt số lượng các đơn vị, phòng ban, và tinh giản biên chế là sự thay đổi về lượng, nhằm mục đích tạo ra sự thay đổi về chất giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị.

Quy luật phủ định của phủ định chỉ ra khuynh hướng của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng⁽²⁾. Sự vật trải qua quá trình phủ định biện chứng, tức là sự thay thế cái cũ bằng cái mới, nhưng không phải là sự phủ định hoàn toàn. Sau lần phủ định đầu tiên, sự vật tiếp tục vận động và trải qua lần phủ định thứ hai, gọi là phủ định của phủ định, đưa sự vật trở lại trạng thái ban đầu, nhưng ở mức độ cao hơn. Quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành đường xoáy ốc, biểu thị sự tiến lên theo đường thẳng, nhưng không ngừng lặp lại, kế thừa và phát triển. Từ năm

2010 đến năm 2015 Ninh Thuận cũng đã thực hiện một số biện pháp tinh giản bộ máy, bao gồm việc rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị hành chính, và điều chỉnh biên chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Triển khai thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 2983/QĐ-UBND được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành ngày 30/11/2016, nhằm triển khai Kế hoạch đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở; qua đó tạo sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, tiến hành sáp nhập các sở, ban, ngành và cơ quan cấp huyện. Từ 20 sở, ban, ngành, tỉnh đã giảm còn 15 đơn vị sau các cuộc sáp nhập, nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động. Việc này không chỉ giúp giảm đầu mối, mà còn tạo điều kiện cải cách hành chính, phục vụ nhân dân tốt hơn. Các đơn vị cấp huyện cũng được tổ chức lại, góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước.

Từ những bài học kinh nghiệm trong quá trình tinh giản trước đây, Ninh Thuận cần tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ lưỡng từng đơn vị, phòng ban, đảm bảo giữ lại những nhân tố thực sự cần thiết, loại bỏ các vị trí kém hiệu quả, tiếp tục nghiên cứu và đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, bao gồm việc sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện và tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo tinh thần Kết luận số 127-KL/TW, ban hành ngày 28/02/2025 bởi Bộ Chính trị.

Nhìn từ góc nhìn thực tiễn, tại tỉnh Ninh Thuận, việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị còn xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết của thực tiễn địa phương. Bởi lẽ trên thực tế, bộ máy hệ thống chính trị tại Ninh Thuận qua nhiều năm đã có dấu hiệu phình to, chồng chéo, dẫn đến sự chồng chéo về chức năng,

(2) Giáo trình Trung cấp Lý luận Chính trị phần Nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2021, tr.93.

nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị. Điều này gây khó khăn trong việc phối hợp, điều hành, làm chậm trễ quá trình ra quyết định và thực thi chính sách, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế, việc tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách là một yêu cầu quan trọng. Việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại các đơn vị không chỉ giúp giảm gánh nặng chi tiêu công mà còn tạo điều kiện để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên như giáo dục, y tế, và phát triển kinh tế - xã hội. Với việc Ninh Thuận đang nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các ngành kinh tế mũi nhọn như năng lượng tái tạo và du lịch. Để đạt được mục tiêu này, cần có một bộ máy nhà nước tinh gọn, năng động, có khả năng thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và xã hội.

Với nhận thức sâu sắc vai trò của hệ thống chính trị cơ sở là rất quan trọng trong việc tổ chức, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở; qua đó tạo sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về sự cần thiết của việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hầu hết các nhiệm vụ, giải pháp đề ra để thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương, Kế hoạch của Tỉnh ủy đã được triển khai thực hiện đạt kết quả khá toàn diện; bước đầu sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc tinh gọn gắn với việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể: Đã giảm 84 phòng, ban; 210 lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh; giảm 12 phòng chuyên môn, 36 lãnh đạo phòng thuộc UBND cấp huyện; giảm 06 đơn vị hành chính trực thuộc Sở, ngành, 42 phòng, đội, trạm, tổ và tương đương trực

thuộc. Đồng thời, đã giảm 525 cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 19,92%; giảm 2.258 biên chế viên chức, đạt tỷ lệ 17,01%⁽³⁾,...; các mô hình thí điểm, nhất là việc tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng, mô hình chức danh kiêm nhiệm đã được thực hiện theo kế hoạch, bước đầu phát huy hiệu quả. Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và sáp nhập các thôn, khu phố chưa đủ tiêu chuẩn đảm bảo theo quy định; thực hiện khoán kinh phí chi phụ cấp theo định mức cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, khu phố; mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, khu phố... được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; qua triển khai, một số mô hình đã phát huy hiệu quả tốt.

Mặc dù tỉnh Ninh Thuận đã đạt được những tiến triển đáng kể trong việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được giải quyết như: Tổ chức bộ máy vẫn còn chồng chéo với nhiều đầu mối, gây khó khăn cho việc điều hành và phối hợp; Chức năng và nhiệm vụ giữa một số cơ quan, đơn vị vẫn còn chồng chéo, dẫn đến sự không rõ ràng và hiệu quả thấp; Việc triển khai các kế hoạch tinh gọn đôi khi thiếu chủ động và kịp thời ở một số cấp ủy và địa phương, vẫn còn sự lúng túng trong việc xác định chức năng và nhiệm vụ mới sau khi sắp xếp lại bộ máy. Để quá trình tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị ở Ninh Thuận một cách hiệu quả, cần thực hiện một số giải pháp:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị trong hệ thống bộ máy chính trị, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của việc tinh gọn bộ máy.

Thứ hai, rà soát, tinh giản biên chế theo lộ trình phù hợp, ưu tiên cắt giảm các vị trí

(3) Bài viết “Ninh Thuận quyết tâm sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Công thông tin điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam Ninh Thuận số ra ngày 19/01/2025.

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI TỈNH NINH THUẬN

❖ ThS. Phạm Hưng Long*

Tóm tắt: Chuyển đổi số đã trở thành yêu cầu tất yếu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước ở Ninh Thuận hiện nay. Bên cạnh những giá trị tích cực, quá trình này đặt ra không ít thách thức, trong đó nổi bật là tác động của công nghệ đến động lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh. Việc nhận diện rõ những ảnh hưởng này và đề xuất giải pháp phù hợp để nâng cao tinh thần làm việc là nhiệm vụ cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số; Cán bộ, Công chức, Viên chức; Tác động.

Tại tỉnh Ninh Thuận, chuyển đổi số được xác định là một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm hiện đại hóa quản lý hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2021, tỉnh đã có những bước đi cụ thể để triển khai chiến lược này. Ngày 29/11/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Nhằm thể chế hóa quan điểm, đường lối lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2314/QĐ-UBND, phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Quá trình chuyển đổi số của tỉnh Ninh Thuận trong thời gian vừa đã qua mang lại những hiệu quả tích cực. Theo báo cáo

số 336/BC-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận, tính đến hết năm 2024, 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 (544 thủ tục) và mức độ 4 (582 thủ tục) đã được triển khai, trong đó 79,23% hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (209.985/265.032 hồ sơ). Hệ thống hợp trực tuyến liên thông 3 cấp (từ tỉnh đến huyện và xã) và hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung cũng đã được vận hành hiệu quả, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công nhanh chóng, giảm áp lực cho cán bộ trong xử lý công việc thủ công⁽¹⁾.

Tuy nhiên, để chuyển đổi số thực sự thành công, yếu tố con người vẫn là trung tâm. Công nghệ dù hiện đại đến đâu cũng không thể phát huy hết tiềm năng nếu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức không được trang bị đầy đủ kỹ năng số và môi trường làm việc không phù hợp. Do đó, việc tạo động lực để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thích nghi, tận dụng công nghệ là một bài toán cần giải quyết đồng bộ.

Chuyển đổi số đã và đang mang lại nhiều thay đổi tích cực trong công tác quản lý hành chính tại Ninh Thuận. Công nghệ đã thay đổi cách thức vận hành của bộ máy

* GV. Khoa Nhà nước - Pháp luật.

(1) Báo cáo số 336/BC-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

hành chính theo hướng hiện đại và hiệu quả hơn. Theo báo cáo số 336/BC-UBND, năm 2024, tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn đạt 99,69% tại cấp tỉnh (200.514/201.144 hồ sơ), 99,17% tại cấp huyện (11.476/11.572 hồ sơ), và 99,87% tại cấp xã (94.806/94.925 hồ sơ). Các hệ thống số hóa đã tự động hóa nhiều công đoạn thủ công như nhập liệu, lưu trữ, phê duyệt, giúp tiết kiệm thời gian và giảm sai sót. Ví dụ, việc triển khai Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung kết nối 100% các cấp chính quyền đã cho phép cán bộ truy cập thông tin nhanh chóng, thay vì phải xử lý thủ công như trước kia.

Ngoài ra, công nghệ còn mang lại sự linh hoạt trong công việc. Hệ thống họp trực tuyến liên thông 3 cấp đã được áp dụng 100% từ tỉnh đến xã, hỗ trợ xử lý công việc từ xa, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp⁽²⁾. Điều này giúp cán bộ, công chức, viên chức chủ động hơn trong sắp xếp thời gian, giảm áp lực từ các công việc lặp lại, và tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược như phân tích dữ liệu hay đề xuất giải pháp, từ đó nâng cao động lực làm việc.

Bên cạnh đó, hiện nay công nghệ cũng đặt ra những khó khăn, thách thức nhất định. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức gặp khó khăn trong việc làm quen với các hệ thống mới do thiếu kỹ năng số đặc biệt là ở cấp xã. Đối với những người quen cách làm việc truyền thống, việc chuyển đổi đòi hỏi thay đổi lớn về tư duy, gây lo lắng và mất tự tin.

(2) Báo cáo số 336/BC-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Khối lượng công việc có thể tăng thêm từ việc học hỏi và vận hành công nghệ mới sẽ gây quá tải đối với cán bộ, công chức, viên chức. Dù tự động hóa giảm bớt công đoạn thủ công, nhưng việc sử dụng các hệ thống phức tạp lại yêu cầu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phải dành thời gian học tập, điều chỉnh cách làm việc và xử lý nhiều nhiệm vụ cùng lúc. Chính vì vậy, nếu không có sự hướng dẫn rõ ràng hoặc hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ, điều này dễ dẫn đến căng thẳng và mệt mỏi. Thay vì giảm tải, công nghệ đôi khi trở thành gánh nặng nếu thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Một số cán bộ, công chức, viên chức có tâm lý lo lắng về tương lai nghề nghiệp, sợ bị thay thế bởi công nghệ hoặc trở nên không còn cần thiết do tinh gọn bộ máy Nhà nước. Điều này làm giảm động lực làm việc, đặc biệt với những người không có cơ hội nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng. Ngoài ra, sự giám sát chặt chẽ hơn từ các hệ thống số (dù vô tình hay cố ý) cũng tạo áp lực lớn, khiến cán bộ, công chức, viên chức cảm thấy bị kiểm soát quá mức trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Ngoài ra, khó khăn trong phân bổ công việc dẫn đến sự bất bình đẳng trong phân công nhiệm vụ. Một số cá nhân được giao trách nhiệm vận hành các hệ thống mới, phải đối mặt với áp lực học hỏi và thích nghi, trong khi những người khác tiếp tục làm việc theo cách truyền thống mà không chịu nhiều thay đổi. Sự chênh lệch này tạo ra cảm giác bất công, làm nảy sinh tâm lý bất mãn trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Những cá nhân sử dụng công nghệ mới thường phải chịu khối lượng công việc lớn hơn và áp lực cao hơn, đặc biệt khi không nhận được

sự hỗ trợ tương xứng. Ngược lại, nhóm ít tiếp xúc với công nghệ có thể cảm thấy thoải mái hơn, nhưng điều này lại gây ra sự phân hóa vô hình trong tổ chức. Nếu không giải quyết, tình trạng này dễ dẫn đến mất động lực, giảm hiệu quả làm việc và ảnh hưởng đến sự đoàn kết trong bộ máy hành chính.

Để khai thác tối đa lợi ích của công nghệ và giảm thiểu tác động tiêu cực, tỉnh Ninh Thuận cần triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm khơi dậy động lực làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể:

Thứ nhất, cần có sự phân công công việc hợp lý và công bằng

Phân công nhiệm vụ cần dựa trên năng lực, kỹ năng số và khả năng thích nghi của từng cá nhân. Việc đánh giá chính xác trình độ của cán bộ, công chức, viên chức sẽ giúp giao phó công việc phù hợp, tránh tình trạng quá tải hoặc lãng phí nguồn lực. Đồng thời, cần đảm bảo minh bạch trong quá trình phân bổ để các thành viên hiểu rõ lý do nhận nhiệm vụ và có cơ hội trao đổi nếu cảm thấy không phù hợp. Điều này tạo cảm giác được tôn trọng và lắng nghe, từ đó nâng cao tinh thần làm việc.

Ngoài ra, Tỉnh cần xây dựng cơ chế khen thưởng phù hợp để ghi nhận nỗ lực của những người đảm nhận công việc liên quan đến công nghệ. Sự công nhận này không chỉ khuyến khích tinh thần cống hiến mà còn giảm thiểu cảm giác bất công giữa các thành viên.

Thứ hai, cần tăng cường hơn nữa đào tạo và phát triển kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức

Đào tạo kỹ năng công nghệ số là yếu

tố then chốt để cán bộ, công chức, viên chức thích nghi với chuyển đổi số. Các chương trình đào tạo cần được thiết kế linh hoạt, từ cơ bản (sử dụng phần mềm, xử lý dữ liệu) đến nâng cao (quản lý dữ liệu lớn, ứng dụng AI), phù hợp với trình độ của từng nhóm đối tượng. Việc tùy chỉnh nội dung sẽ giúp quá trình học tập hiệu quả hơn, tránh gây áp lực hoặc cảm giác bị bỏ lại phía sau. Hình thức đào tạo cũng cần đa dạng, bao gồm khóa học trực tuyến, thực hành tại chỗ, hoặc hỗ trợ qua video hướng dẫn và trợ lý ảo. Điều này cho phép cán bộ học tập theo lịch trình linh hoạt, phù hợp với công việc bận rộn.

Thứ ba, xây dựng chế độ lương thưởng phù hợp nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Chế độ lương thưởng cần phản ánh đúng năng lực, mức độ cống hiến và kỹ năng số của cán bộ. Trong bối cảnh công nghệ ngày càng quan trọng, những người vận hành hệ thống phức tạp cần được trả lương tương xứng với khối lượng và tính chất công việc. Ngoài lương cơ bản, các khoản thưởng theo hiệu suất (hoàn thành dự án số, cải tiến quy trình) sẽ khuyến khích họ nâng cao kỹ năng và làm việc hiệu quả hơn.

Hệ thống lương thưởng cũng cần đảm bảo công bằng và minh bạch, tránh sự chênh lệch không hợp lý giữa các nhóm nhân sự. Dù mức lương tại cơ quan nhà nước hiện nay phụ thuộc vào quy định chung, việc áp dụng các cơ chế thưởng đặc thù có thể là giải pháp khả thi để tăng động lực làm việc.

(Xem tiếp trang 66)

**KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA XI) VỀ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC
CỦA XÃ THANH HẢI, HUYỆN NINH HẢI**

❖ CN. Vũ Văn Vân*

***Tóm tắt:** Công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước là một nhiệm vụ trọng tâm. Bài viết khái quát kết quả 10 năm, thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trên địa bàn xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải.*

***Từ khóa:** Con người Việt Nam; Nghị quyết số 33-NQ/TW; Xây dựng và phát triển văn hóa; Xã Thanh Hải.*

Thanh Hải là xã đồng bằng ven biển thuộc huyện Ninh Hải, có vị trí địa lý phía Bắc giáp xã Vĩnh Hải, phía Nam và Phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp xã Nhơn Hải, cách trung tâm huyện Ninh Hải lớn 10 km có diện tích tự nhiên là 650,82ha, số hộ 2.595/10.363 khẩu có 04 thôn 100% là dân tộc kinh, cơ cấu kinh tế là ngư nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến thôn đã tích cực tăng cường công tác tuyên truyền và vận động quần chúng tham gia trong

việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong những năm gần đây được sự quan tâm của Nhà nước, kinh tế - xã hội từng bước phát triển, cơ sở và kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng theo hướng cơ cấu “Thương mại - Dịch vụ; Công nghiệp - Xây dựng; Nông nghiệp”, trong đó tập trung phát triển kinh tế biển. Lĩnh vực xã hội luôn được đẩy mạnh, an sinh xã hội luôn được quan tâm; quốc phòng an ninh được giữ vững, tình hình an ninh nông thôn ổn định.

Thẩm nhuần quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển đất nước, có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người và bản sắc, cốt cách dân tộc. Đảng ủy, UBND xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải luôn xem công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người là một nhiệm vụ trọng tâm theo đúng tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Thực hiện Chương trình hành động số 282 - CTHĐ/TU của Ban

* GV. kiêm nhiệm Phòng QLĐT & NCKH.

Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 283 - CT/HU ngày 19/9/2014 của Huyện ủy Ninh Hải. UBND xã Thanh Hải đã triển khai Nghị quyết số 33 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân trên địa bàn xã. Đồng thời ban hành các Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện Nghị quyết như Kế hoạch phát động phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; Kế hoạch “Đổi mới nếp sống văn hóa, văn minh đô thị” và Kế hoạch việc rà soát, bổ sung xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn xã Thanh Hải. Sau 10 năm xã đã đạt được những kết quả tích cực:

Về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện: UBND xã đã ban hành Quyết định công nhận Hương ước, Quy ước cho 04/04 thôn và kế hoạch về việc chấm điểm Gia đình văn hóa và thôn văn hóa nhằm tạo môi trường và điều kiện để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện phát triển toàn diện.

Công tác tuyên truyền phát động nhân dân tham gia rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại được tăng cường. Hiện nay, việc rèn luyện thể thao được quan tâm: số người tập luyện thể thao thường xuyên tăng cao; 100%

trường học đảm bảo công tác giáo dục thể chất; 95% học sinh các cấp đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định; 100% chiến sĩ quân đội, chiến sĩ công an đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định; trên 80% công nhân, viên chức, lao động tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: Trong những năm qua, các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng. Trên địa bàn xã, nhiều gia đình có cuộc sống no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Không có các hoạt động gây mất an ninh trật tự.

Với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, 4/4 thôn của xã Thanh Hải đều có trụ sở riêng để sinh hoạt văn hóa, Sân thể thao phục vụ cộng đồng, đảm bảo về trang thiết bị hoạt động của nhà văn hóa và trung tâm văn hóa thể thao. Xã có 03 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi. (công viên tại ngã 3 đường vào Cảng cá và 01 công viên tại thôn Mỹ Tân 1 gần đài Tưởng niệm và 01 điểm khu vực trước trụ sở thôn Mỹ Phong).

Các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu được nhân rộng. Kết quả thực hiện hàng năm, số gia đình, khu dân cư, thôn, đạt danh hiệu văn hóa tăng lên đáng kể, cụ thể: hàng năm 04/04 thôn đều đạt danh hiệu công nhận thôn văn hóa; Năm 2021 xã đạt danh hiệu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Năm 2022 thôn Mỹ Tân 1 đạt danh hiệu thôn nông thôn mới và đạt nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2023; Năm 2023 thôn Mỹ Phong và Mỹ Hiệp đạt danh hiệu thôn nông thôn mới.

Ngoài ra, các phong trào „Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”

và hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, từ thiện nhân đạo, cùng phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh trong các tầng lớp nhân dân giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa. Tổng số quà phát trong năm 2024 có 2.612 suất/528.412.000 đồng cho các đối tượng Hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn, chính sách, khuyết tật,... Ngoài ra còn phát gạo cho 272 hộ/686 nhân khẩu (Trong đó: Hộ nghèo 82 hộ, Hộ Cận nghèo 190 hộ) với tổng cộng số gạo đã phát 10.290kg.

Về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa: Các lễ hội của xã được diễn ra hàng năm như: Lễ hội Cầu ngư, Thanh minh, Ramurwan, Cúng Lăng, Cúng Thần Thành Hoàng, Cúng Xuân... Trong đó lớn nhất là lễ hội Lăng thần Nam Hải diễn ra trong thời gian 5 ngày vào giữa tháng 4 hàng năm. Các lễ hội theo đúng với tín ngưỡng, phong tục tập quán của địa phương, đúng theo quy định của pháp luật với đầy đủ nghi thức truyền thống (bao gồm cả phần lễ và hội) hấp dẫn, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, góp phần phục vụ cho sự phát triển du lịch của địa phương. Không có biểu hiện đồng bóng, bói toán trong lễ hội hay lợi dụng tín ngưỡng trong lễ hội để hoạt động tôn giáo trái phép, thực hiện theo hương ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội

Nghệ thuật Múa nấp trong “Lễ hội cầu ngư Lăng thần Nam Hải Mỹ Tân” được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh tại Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận và Lễ hội cầu ngư Lăng

thần Nam Hải Mỹ Tân được xếp vào danh mục văn hóa phi vật thể Quốc gia được Bộ Văn hóa thể thao và du lịch cấp tại Quyết định số 4604/QĐ-BVHTTDL Ngày 20/12/2019.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước của xã Thanh Hải vẫn còn một số hạn chế:

Công tác chỉ đạo triển khai và tuyên truyền có lúc chưa thường xuyên và kịp thời; Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa chưa phù hợp chuyên môn nghiệp vụ. Công tác sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đã được triển khai nhưng chưa mang lại hiệu quả cao; Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn hạn chế, các thiết chế văn hóa, thể thao còn ở quy mô nhỏ; ngân sách đầu tư hàng năm cho sự nghiệp văn hóa còn ít, chưa đảm bảo thực hiện công tác tuyên truyền, cũng như tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân; Phong trào xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa, trường học đạt chuẩn văn hóa tuy đạt được một số kết quả đáng phấn khởi, song, vẫn chưa quan tâm đúng mức, chưa tạo được mô hình các điểm sáng văn hóa, chưa nhân ra diện rộng. Một số hiện tượng mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống cộng đồng.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn, để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền

vững đất nước của xã Thanh Hải, tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương; Chương trình hành động số 282-CT/TU của Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 283-CTr/HU ngày 19/9/2014 của Huyện ủy Ninh Hải.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam bằng các hình thức đa dạng, phong phú, nội dung phù hợp với từng thời điểm thực hiện Nghị quyết như: tổ chức các lớp học tập Nghị quyết; tiến hành biên soạn tin, bài tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã; treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; tổ chức tuyên truyền lồng ghép tuyên truyền tại các cuộc họp ở khu dân cư,... Duy trì và phát huy phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ xã đến thôn; sửa chữa, bổ sung một số điều trong quy ước thôn văn hóa phù hợp với điều kiện thực tế, kết hợp xây dựng văn hóa trong xây dựng nông thôn mới của địa phương.

Thứ ba, cần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế hiện nay. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới. Đồng thời, cần đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa nhằm huy động đa dạng nguồn lực đầu tư cho sự phát triển văn hóa và con người.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn liền với việc thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cùng các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Như vậy, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Thực tiễn triển khai nhiệm vụ này tại xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải sẽ là ví dụ minh họa cụ thể cho Bài 2: Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, thuộc học phần B.II. Từ đó, giảng viên cần làm nổi bật vai trò của việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người đối với mục tiêu phát triển và tiến bộ xã hội. Đồng thời, cần phân tích rõ các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp hiện nay trong công tác này.

Trên cơ sở lý luận đã được nghiên cứu, giảng viên và học viên cần đối chiếu với thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người tại tỉnh Ninh Thuận nói chung và xã Thanh Hải nói riêng. Qua đó, phân tích những mặt tích cực và hạn chế của các chính sách hiện hành, đánh giá mức độ phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương nơi các học viên đang công tác, cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Từ thực tiễn đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, đồng thời đề xuất các giải pháp và kiến nghị thiết thực cho đơn vị và địa phương. ■

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NHƠN SƠN, HUYỆN NINH SƠN

❖ ThS. Trần Thu Hương*

Tóm tắt: Xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn là nơi có các đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, việc thực hiện chính sách dân tộc hiện nay còn nhiều bất cập, cần có những giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng đời sống cho các dân tộc trên địa bàn xã hiện nay.

Từ khóa: Chính sách dân tộc; Xã Nhơn Sơn.

Nhơn Sơn là một xã đồng bằng thuộc huyện miền núi Ninh Sơn, tổng diện tích tự nhiên là 3.160,38 ha, dân số 4.203 hộ với 16.359 khẩu, xã có 3 thôn có đồng bào dân tộc thiểu số: thôn Lương Tri, Núi Ngỗng và Láng Ngựa chủ yếu các dân tộc Chăm, dân tộc Raglai. Công tác dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong thời gian qua, nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Ủy Ban Nhân dân huyện Ninh Sơn và xã Nhơn Sơn đã ban hành nhiều kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện về công tác dân tộc và các chính sách dân tộc trên địa bàn xã. Các dân tộc chủ yếu sinh sống, sản xuất nông nghiệp chiếm 95% số hộ làm ruộng, làm rẫy, chăn nuôi, 0.5% hộ hoạt động thương mại dịch vụ. Trong thời gian qua, thực trạng thực hiện chính sách dân tộc của xã là một trong những vấn đề được chính quyền địa phương quan tâm. Đây được xem là tiền đề tạo ra nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội trên toàn xã. Trước hết, những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách dân tộc của trên địa bàn xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn trong năm 2024.

- Về thực hiện chính sách giáo dục - đào tạo, y tế: Y tế, giáo dục, tiếp cận truyền thông: Hầu hết các hộ dân tộc thiểu số đều được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm; Chất lượng dân số ngày càng được nâng cao thông qua việc đánh giá các chương trình như: Phát triển dân số; bảo hiểm y tế toàn dân 2 thôn Láng Ngựa và Núi Ngỗng là 100%; trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; trẻ em được quan tâm chăm sóc tốt hơn, các chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ sơ sinh đạt 100% và trạm y tế được xây dựng kiên cố; Trình độ dân trí được nâng cao, mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào ngày càng cải thiện; chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo được nâng lên; 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố; hoàn thành giáo dục mầm non 5 tuổi đạt 100%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 90%; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh. Các giá trị văn hóa được giữ gìn, phát huy và bảo tồn.

- Về triển khai thực hiện chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được triển khai, nhất là lao động thuộc diện hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; đã phối hợp mở 21 lớp học nghề với 472 lượt học viên tham gia. Phối hợp các doanh nghiệp tuyển dụng và giới thiệu việc làm mỗi năm có trên 350 lao động có việc làm.

* GV. Khoa Lý luận cơ sở.

Ủy ban Nhân dân xã thường xuyên tổ chức các Hội nghị đối thoại với Nhân dân trong vùng dân tộc thiểu số, miền núi để nắm tình hình, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó kịp thời tháo gỡ, giải quyết vấn đề, thu nhập của người dân được tăng lên, nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số dần được thay đổi.

- Về triển khai thực hiện chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã tập trung triển khai làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống trong cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn xã. Chỉ đạo khôi phục nhiều giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc như các lễ hội, nghi lễ, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng (Lễ hội Ramurwan, Lễ cúng ăn mừng lúa mới...), 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 100% thôn có đội văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng. Về ổn định dân cư: Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư.

- Về an ninh quốc phòng, an ninh: An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, xã đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nhận rõ bản chất và âm mưu thủ đoạn của địch, xây dựng tình đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc. Nhờ vậy, những năm qua đồng bào luôn nêu cao cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, nhằm tuyên truyền xuyên tạc, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Về triển khai thực hiện chính sách phát triển kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đã tập trung triển

khai thực hiện quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và chăn nuôi. Được sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước với nhiều chương trình, chính sách, dự án, kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã tiếp tục tăng trưởng và phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân được cải thiện. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt 100%. Việc tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo tăng thu nhập cũng hết sức thuận lợi.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc vẫn còn một số mặt hạn chế.

Nhìn chung, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có phát triển nhưng tốc độ còn chậm; kết cấu hạ tầng chưa thực sự bảo đảm; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng chưa bền vững. Kinh tế tập trung vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi là chủ yếu, thói quen canh tác và tập tục của người đồng bào thiểu số vẫn chưa được thay đổi nhiều nên khó tiếp cận với các mô hình tiên tiến để phát triển sản xuất nông nghiệp; kinh tế hợp tác xã phát triển chậm, nhất là vùng đặc biệt khó khăn. Việc triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia còn gặp nhiều trở ngại, thời gian thực hiện ngắn nên công tác triển khai thực hiện còn chậm. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa thường xuyên, liên tục nên nhận thức của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, chưa thực sự nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo. Chất lượng giáo dục ở các

vùng còn chưa đồng đều, công tác giáo dục đạo đức trong thanh thiếu niên, học sinh còn nhiều vấn đề cần quan tâm; việc vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên vẫn còn diễn ra. Lực lượng lao động tuy khá dồi dào nhưng chủ yếu là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Công tác giải quyết việc làm sau đào tạo nghề còn nhiều khó khăn. Hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy được quan tâm nhưng một số nơi còn yếu; năng lực đội ngũ cán bộ còn hạn chế; công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở một số xã chưa chủ động.

Từ thực trạng về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn xã Nhơn Sơn, trong điều kiện hiện nay cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn xã Nhơn Sơn, xác định thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; là nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền về kết quả, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định. Cùng cố nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ cơ sở. Chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới theo quy định. Xã cần có cơ chế, chính sách biểu dương, tôn vinh những người có uy tín, già làng,

trưởng bản có nhiều đóng góp cho công tác dân tộc.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, bà con các dân tộc thiểu số về thực hiện đường lối chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước. Đặc biệt, vận động đồng bào dân tộc thiểu số hưởng ứng thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Đoàn kết quân dân”, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số, kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định chính trị ở cơ sở, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù trong việc chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc. Đồng thời, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự.

Đẩy mạnh công tác phối hợp xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường thực hiện công tác tuyên truyền bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa và tập quán của các dân tộc; quan tâm sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống, kể cả vật thể và phi vật thể. Kiên quyết xóa bỏ các hủ tục lạc hậu và sớm chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở.

Thứ ba, xây dựng cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn, các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường

học, trạm y tế và nhà văn hóa phải được kiên cố hóa, đảm bảo các hộ dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia. Cần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục đào tạo, dạy nghề và giới thiệu việc làm cho đồng bào, đặc biệt là thanh niên dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Nhơn Sơn. Đặc biệt, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số mới thoát nghèo cần được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

Thứ tư, thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chính sách đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng khó khăn khác để góp phần giải quyết thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, các chương trình mục tiêu của Trung ương đối với khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tranh thủ các nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển kinh tế - xã hội theo hướng toàn diện, bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển. ■

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ... (Tiếp theo trang 58)

Thứ tư, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tạo môi trường khuyến khích sáng tạo là cách hiệu quả để nâng cao động lực. Tỉnh có thể tổ chức các cuộc thi về ý tưởng, hội thảo khoa học, hoặc hỗ trợ nguồn lực cho các sáng kiến ứng dụng công nghệ. Những ý tưởng xuất sắc cần được ghi nhận và thử nghiệm, tạo động lực cho cán bộ đóng góp tích cực. Đồng thời, cần xây dựng văn hóa chấp nhận thất bại như một phần của học hỏi, giúp họ tự tin thử nghiệm mà không sợ bị chỉ trích.

Việc nghiên cứu các tác động của công nghệ đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Ninh Thuận trong bối cảnh chuyển đổi số có thể được liên hệ và vận dụng trong giảng dạy tại Chương trình trung cấp Lý luận Chính trị và chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể:

- Đối với chương trình Trung cấp Lý luận Chính trị: các yếu tố tác động có thể được vận dụng vào bài 2: Quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở và bài 9: Cải cách hành chính ở cơ sở.

- Đối với chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên: giảng viên có thể khái quát tầm quan trọng và nhấn mạnh về kỹ năng cần có để làm việc trong môi trường số tại chuyên đề kỹ năng làm việc trong môi trường số.

Công nghệ vừa là động lực vừa là thách thức đối với cán bộ, công chức, viên chức tại Ninh Thuận trong bối cảnh chuyển đổi số. Để tận dụng tối đa lợi ích, cần triển khai đồng bộ các giải pháp như phân công hợp lý, đào tạo kỹ năng, xây dựng chính sách lương thưởng, và khuyến khích sáng tạo. Những biện pháp này không chỉ nâng cao động lực làm việc mà còn đảm bảo quá trình chuyển đổi số thành công, góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh. ■

THÔNG TIN NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM 2025 CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ ThS. Lê Thị Thanh Phương*

Thực hiện Hướng dẫn số 30-HD/HVCTQG, ngày 03/02/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tổ chức và bình xét thi đua của Cụm thi đua các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trường cán bộ của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; Công văn số 404-CV/HVCTQG, ngày 05/03/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc tổ chức hoạt động thi đua của các trường chính trị và Cụm thi đua các trường chính trị cấp tỉnh năm 2025 và thực hiện tốt các phong trào thi đua do Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Cụm trưởng Cụm thi đua các Trường Chính trị tỉnh Miền Đông Nam Bộ năm 2025 phát động Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận xây dựng Kế hoạch triển khai phong trào thi đua năm 2025 với chủ đề và nội dung cụ thể như sau:

1. *Chủ đề thi đua:* Hưởng ứng chủ đề thi đua “*Tinh-Gọn-Mạnh-Hiệu năng-Hiệu lực-Hiệu quả*” của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trường Chính trị tỉnh xác định chủ đề thi đua năm 2025 như sau: “*Thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Tỉnh ủy giao năm 2025 gắn với xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 26/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận*”.

2. *Khẩu hiệu thi đua:* “Thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Trường gắn với thực hiện tốt các phong trào thi đua của Cụm phát động năm 2025”; “Thi đua giữ gìn và phát huy truyền thống của Học viện và các Trường Chính trị tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương”; thi đua xây dựng mô hình “*Tập thể kiểu mẫu*”, “*Cán bộ trường*

Đảng mẫu mực” gắn với thực hiện mô hình “*Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh là tấm gương sáng cho học viên noi theo*”.

3. Nội dung thi đua:

Thi đua trong sắp xếp, phân công công việc cho viên chức, người lao động theo hướng Tinh-Gọn; phát huy mạnh mẽ vai trò, tinh thần đoàn kết, đồng lòng; tạo động lực để viên chức, người lao động thi đua hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, thi đua xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 1, mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về Trường Chính trị chuẩn và Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận đạt chuẩn.

Thi đua trong nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng mạnh về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị chuẩn và phát triển Trường Chính trị trong thời kỳ chuyển đổi số.

Thi đua trong việc phát triển công nghệ số trên nguyên tắc hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả sáng tạo, tránh lãng phí; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng số trong cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, khai thác và sử dụng tối đa *Hiệu năng-hiệu lực* tài nguyên số, dữ liệu số trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

100% Phòng, Khoa có các hoạt động thiết thực chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Thi đua yêu nước Học viện lần thứ VI. Mỗi viên chức, người lao động chủ động, tích cực đổi mới phương pháp làm

* CV. Phòng TC-HC-QT.

việc, triển khai có *Hiệu quả* các nhiệm vụ được giao; tạo sự chuyển biến mọi mặt công tác của Trường năm 2025, hướng tới xây dựng Trường Chính trị tỉnh trở thành trường Đảng kiểu mẫu ở địa phương.

4. Một số chỉ tiêu thi đua:

100% Phòng, Khoa hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua yêu nước, triển khai chương trình, kế hoạch thi đua năm 2025 của Học viện;

Hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch công tác năm, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đột xuất; phát huy dân chủ, đoàn kết.

100% viên chức, người lao động thực hiện các tiêu chí xây dựng Trường chính trị chuẩn theo Đề án 05-ĐA/TU, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn.

100% viên chức thực hiện mô hình “Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh là tấm gương sáng cho học viên noi theo”; thực hiện Bản cam kết và kế hoạch thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chuyên đề năm 2025.

Phấn đấu tập thể Trường Chính trị tỉnh đạt danh hiệu tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 05/05 tập thể Phòng, Khoa đạt danh hiệu lao động tiên tiến, trong đó có 01 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phấn đấu 90% viên chức và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đạt danh hiệu lao động tiên tiến, trong đó có ít nhất 08 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”.

Đảng bộ Trường, Công đoàn cơ sở Trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, Cơ quan đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thi đua năm 2025 do Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Cục trưởng Cục thi

đua các Trường Chính trị tỉnh Miền Đông Nam Bộ năm 2025 phát động, Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

Một là, phát huy vai trò của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng và sự phối hợp của các đoàn thể trong lãnh, chỉ đạo và triển khai thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng.

Hai là, tích cực đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền trên lĩnh vực thi đua, khen thưởng; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, tư tưởng về thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng, trong đó chú trọng tuyên truyền Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như viên chức, người lao động về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng và đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của cá nhân trong tham gia các phong trào thi đua.

Ba là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc nêu gương phát động và tổ chức các hoạt động thi đua cụ thể của Trường; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích.

Bốn là, kịp thời phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng các mô hình mới, nhân tố mới hiệu quả, điển hình tiên tiến thực sự tiêu biểu xuất sắc, có sức lan tỏa, là nhân tố điển hình trong các phong trào thi đua của Trường nhất là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác tham mưu và phục vụ.

Năm là, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, khen thưởng theo đúng hướng dẫn của cấp trên.■